

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **353** / CBTT - MDCB

Cao Bằng, ngày **05** tháng **10** năm 2021

V/v: Công bố tài liệu Đại hội đồng cổ  
đồng thường niên năm 2021.

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

I. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG (CBS)

Mã chứng khoán: CBS

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Tà Lùng - huyện Quảng Hòa -  
tỉnh Cao Bằng

Điện thoại liên hệ: 0206 3 824121

Số Fax: 0206 3 824113

E-mail: caobangsugar@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nông Văn Thuyết - Chức vụ: Chủ tịch  
HĐQT

Địa chỉ: Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Điện thoại di động: 0914523666

Loại thông tin công bố:  24h  72h  yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

II. Nội dung thông tin công bố:

Công bố Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần  
mía đường Cao Bằng .

Toàn bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được CBS công bố trên  
website của Công ty vào ngày 05/10/2021 tại đường dẫn:

<http://www.miaduongcaobang.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn  
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

**Nơi nhận :**

- Như kính gửi;
- Đăng website;
- Lưu Vt.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Nông Văn Thuyết*



**THÔNG BÁO**  
**MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2021**

**Kính gửi:** Quý cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

Hiện nay, do tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phải phù hợp với các quy định của Luật doanh nghiệp và đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của UBND tỉnh Cao Bằng.

Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng xin thông báo đến Quý cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Nội dung cụ thể như sau:

- 1. Thành phần tham dự Đại hội:** Các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

*(Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được chốt vào ngày 28 tháng 09 năm 2021).*

- 2. Thời gian :** 08h30 ngày 26 tháng 10 năm 2021;
- 3. Hình thức tổ chức đại hội :** Họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử
- 4. Địa điểm :** Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng
- 5. Tài liệu đại hội**

Toàn bộ tài liệu phục vụ đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 được đăng tải website Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng, Quý cổ đông có nhu cầu có thể truy cập tài liệu tại đường link <http://www.miaduongcaobang.vn/>

- 6. Thành phần dự họp :** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 28/09/2021
- 7. Tham dự họp trực tuyến, đăng ký ủy quyền, biểu quyết, bầu cử:**

Để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Quý cổ đông tham dự họp trực tuyến, đăng ký ủy quyền, đăng ký ủy quyền, biểu quyết tại website : [ezgsm.fpts.com.vn](http://ezgsm.fpts.com.vn) bằng các thiết bị: máy tính cá nhân/máy tính xách tay/ máy tính bảng/điện thoại thông minh có kết nối Internet

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và



được gửi về Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình.

Trân trọng kính báo !

**Ghi chú :**

- Thông tin đăng nhập hệ thống biểu quyết, bầu cử trực tuyến tại website: [ezgsm.fpts.com.vn](http://ezgsm.fpts.com.vn) được gửi trong thư mời họp đến từng cổ đông. Trường hợp cổ đông không nhận được thư mời, vui lòng liên hệ :

**Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng**

**Địa chỉ :** Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng.

**Điện thoại:** 0206 382 4121

**Fax:** 0206 382 4113

**Email:** [maquetmiaduong@gmail.com](mailto:maquetmiaduong@gmail.com)

***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Lưu: VT; HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nông Văn Thuyết**







**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

**Thời gian tổ chức:** Ngày 26/10/2021.

**Hình thức tổ chức:** Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

**Địa điểm:** Ban chủ tọa chủ trì Đại hội tại Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng.

**Website tham dự Đại hội trực tuyến:** <http://ezgsm.fpts.com.vn> (Tài khoản đăng nhập và mật khẩu được gửi đến cổ đông trong Thông báo mới họp)

| Thời gian   | Nội dung  |
|-------------|---|
| 8:30        | Bắt đầu tiến hành livestream đại hội trực tuyến   |
| 8:35 – 9:00 | Chào cờ.  |
|             | Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội và Giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự.  |
|             | Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.   |
|             | Giới thiệu Đoàn chủ tịch và Ban thư ký  |
|             | Tóm tắt chương trình đại hội và quy chế đại hội   |
| 9:00 – 9:45 | 1. Thông qua thành phần Ban Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế Đại hội trực tuyến.                                |
|             | 2. Trình bày báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT   |
|             | 3. Trình bày báo cáo kết quả hoạt động của BKS  |
|             | 4. Trình bày tờ trình thông qua BCTC đã kiểm toán   |
|             | 5. Trình bày tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC  |
|             | 6. Trình bày Tờ trình Phê duyệt kết quả HĐ SXKD   |
|             | 7. Trình bày Tờ trình Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2020 – 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2021 - 2022 |
|             | 8. Trình bày Tờ trình thù lao HĐQT, BKS   |
| 9:45-10:15  | Đại hội thảo luận các vấn đề  |
| 10:15 10:25 | Cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết điện tử   |
| 10:25-10:30 | Đại hội nghỉ giải lao.<br>Ban kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết  |
| 10:30-10:45 | Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.  |
| 10:45-11:00 | Thông qua biên bản của Đại hội.<br>Tuyên bố bế mạc Đại hội.   |



## PHỤ LỤC I: QUY CHẾ HƯỚNG DẪN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng)

### Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng (Công ty).

### Điều 2. Điều kiện, cách thức tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

#### 1. Điều kiện tham dự:

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty hoặc được ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp;
- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thiết bị điện tử có kết nối được mạng Internet bao gồm nhưng không giới hạn: máy tính, điện thoại di động, các thiết bị điện tử khác có kết nối được Internet.

#### 2. Cách thức tham dự:

- Mỗi cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty được cung cấp một và chỉ một tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (hệ thống EzGSM) tại website: [ezgsm.fpts.com.vn/](http://ezgsm.fpts.com.vn/). Cổ đông khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống và các yếu tố định danh khác phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Công ty sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.
- Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ cho Công ty. Đồng thời để bảo mật thông tin cá nhân cho cổ đông, Công ty có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại thông tin cá nhân, tối thiểu bao gồm: Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, Số điện thoại di động, hòm thư điện tử (địa chỉ email), địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (địa chỉ liên lạc) đối với cá nhân; và Số ĐKKD, Số điện thoại liên hệ, địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức. Công ty có thể gửi thông tin tên đăng nhập và mật khẩu để cổ đông tham dự và biểu quyết như đã đề cập tại Khoản 3 Điều này cho cổ đông thông qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông.
- Cổ đông thông qua hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định luật hiện hành. Theo đó, với người đại diện được ủy quyền, sau khi nhận được ủy quyền bằng văn bản của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền có xác nhận hợp lệ, Công ty sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên nhận ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. Công ty cung cấp thông tin đăng nhập cho đại diện được ủy quyền theo thông tin ủy quyền do cổ đông cung cấp và được



thực hiện như hình thức gửi thông báo mời họp cho các cổ đông (thông qua thư mời/ hòm thư điện tử/ số điện thoại). Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về Công ty.

### **Điều 3. Cung cấp thông tin đăng nhập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử**

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong Thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Công ty quy định). Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Công ty có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại.
3. Công ty khuyến nghị Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi nhận được thông tin đăng nhập tối thiểu bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

1. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được biểu quyết tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.
2. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết quả bỏ phiếu của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử được coi là quyết định cuối cùng của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
3. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nếu như nguyên nhân là do Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.



## **Điều 5. Cách thức ghi nhận Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được tính là dự họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức tham dự trực tuyến tại thời điểm Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông báo cáo kết quả công khai tại Đại hội là Cổ đông và đại diện được ủy quyền đã biểu quyết ít nhất một nội dung trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

## **Điều 6. Thực hiện Ủy quyền**

1. Cổ đông có thể ủy quyền theo quy định tại Điều 5 Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội tại Quy chế tổ chức Đại hội.
2. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền của Công ty.  
Giấy ủy quyền theo mẫu ủy quyền có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
  - Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.
3. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã được phê duyệt ủy quyền: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
4. Hủy bỏ ủy quyền không có hiệu lực nếu người đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết với bất kỳ vấn đề nào của nội dung trong Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 7. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

1. Việc thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Ban Chủ tọa điều phối, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đối với Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và các đại diện được ủy quyền có thể đặt câu hỏi trực tiếp hoặc gửi câu hỏi về doanh nghiệp thông qua kênh trực tuyến mà Công ty lựa chọn để tổ chức hội nghị hoặc hình thức khác được Công ty hướng dẫn trong Thông báo mời họp. Ban Thư ký có trách nhiệm lưu lại tên Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, mã Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) và nội dung câu hỏi.

## **Điều 8. Nguyên tắc và cách thức thực hiện bỏ phiếu điện tử**

1. Kể từ thời điểm nhận được tên đăng nhập và mật khẩu vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền truy cập và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Kết thúc thời gian bỏ phiếu quy định trên thông báo của hệ thống bỏ phiếu điện tử, hệ thống sẽ không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
2. **Biểu quyết:** Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện

từ, đối với từng nội dung, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” trên Phiếu biểu quyết đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả nội dung cần biểu quyết tại một lần biểu quyết, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nhấn “**Biểu quyết**” để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống.

3. Trường hợp chương trình họp được bổ sung nội dung do cổ đông/nhóm cổ đông kiến nghị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể tiến hành biểu quyết bổ sung. Nếu các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không tiến hành biểu quyết bổ sung thì được coi là không biểu quyết với những nội dung này.
4. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết nhiều lần nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc thời gian bỏ phiếu từng lần theo quy định.

#### **Điều 9. Cách thức kiểm phiếu điện tử**

Biểu quyết: Phiếu biểu quyết của mỗi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đều được hệ thống ghi nhận theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến.

#### **Điều 10. Các sự kiện bất khả kháng**

1. Trong thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, mất điện, mất kết nối đường truyền Internet hoặc các sự cố kỹ thuật khác, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác... Công ty huy động tối đa mọi nguồn lực để khắc phục các sự cố và đại hội có thể tiếp tục diễn ra, nhưng không quá 60 phút kể từ thời điểm gặp sự cố.
2. Trường hợp các sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.





## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng - Huyện Quảng Hoà - Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: 0206.3824121 - Fax: 0206.3824113

Mã số thuế: 4800104012

ISO 9001: 2015

Số: 343 /BC-HĐQT

Quảng Hoà, ngày 05 tháng 10 năm 2021

### BÁO CÁO

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN VỤ 2020-2021

VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NIÊN VỤ 2021-2022

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

#### *Phần thứ nhất*

#### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NIÊN VỤ 2020 - 2021

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Đại hội đồng cổ đông đã bầu ra HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 là 05 người. Trong kỳ họp thứ nhất của HĐQT trị ngày .. tháng 11 năm 2020 HĐQT đã bầu ông Nông Văn Lạc giữ chức chủ Tịch HĐQT ban hành theo Nghị quyết số ...../NQ-HĐQT.

Do tình hình sức khỏe nên ông Nông Văn Lạc đã từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT chỉ tham gia HĐQT với tư cách Thành viên HĐQT từ ngày 01/04/2021

Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất bầu ông Nông Văn Thuyết giữ chức Chủ tịch HĐQT từ 01/04/2021

Niên vụ 2020-2021 hoạt động của HĐQT với đầy đủ 05 thành viên tiến hành nhiều cuộc họp ban hành nhiều chủ trương với tính đồng thuận nhất trí cao đem đến hiệu quả rõ rệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **I. Tình hình chung:**

- **Trên thế giới:** Niên vụ 2020-2021 thị trường đường thế giới có nhiều yếu tố tác động dẫn đến giá đường thế giới tăng đột biến.

Thứ nhất: Hiện tượng biến đổi khí hậu (sương giá và hạn hán) ở nam bán cầu làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng mía ở Brazil và Australia đặc biệt là ở Brazil đất nước có sản lượng đường hằng năm chiếm 40% sản lượng đường toàn cầu.

Thứ hai: Do sự bùng phát của dịch bệnh Covid 19 làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất tại Ấn độ và do sự thiếu hụt Container trong logistics làm ảnh hưởng lớn đến quá trình lưu thông hàng hóa nói chung và mặt hàng đường nói riêng

- **Tại Việt Nam:** Tình hình giá đường cũng được cải thiện từ sau khi thủ tướng chính phủ có chỉ thị 28/CT-TTg ngày 14/7/2020 về việc Triển khai các giải pháp phát triển ngành



mía đường Việt Nam trong tình hình mới, các bộ ngành hữu quan đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho ngành mía đường trong nước. Đặc biệt là Quyết định số 2466/QĐ-BCT, ngày 21/9/2020 của bộ Công thương về Điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan và sau đó 5 tháng bộ này đã ban hành quyết định số 477/QĐ-BCT, ngày 9/02/2021 về việc Áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp tạm thời đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan với mức.

**Ngoài ra do tình hình dịch bệnh Covid-19** bùng phát mạnh ở khu vực Đông Nam Á nên chính phủ các nước siết chặt kiểm soát biên giới cũng làm hạn chế tối đa lượng đường nhập lậu.

Mặc dù thị trường đường có được cải thiện trên thế giới và trong nước trong năm qua, tuy nhiên do dịch bệnh bùng phát chính phủ các nước ban hành lệnh phong tỏa, giãn cách xã hội nên nhu cầu đường và chất tạo ngọt giảm xuống, tiêu thụ chậm.

## **II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

### **1. Về vùng nguyên liệu**

- Trong bối cảnh sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhiều năm liền, giá mía giảm theo giá đường, vùng nguyên liệu của Công ty đã bị thu hẹp, nhiều diện tích đất nông dân đã chuyển đổi cây trồng, sản lượng mía theo đó cũng giảm qua các năm:

| <b>TT</b> | <b>Nội dung</b>     | <b>Vụ 18/19</b> | <b>Vụ 19/20</b> | <b>Vụ 20/21</b> |
|-----------|---------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1         | Diện tích mía (ha)  | 3.018,12        | 2.710,17        | 2.047,48        |
| 2         | Sản lượng mía (tấn) | 193.108         | 144.352         | 138.937         |
| 3         | Năng suất (tấn/ha)  | 64              | 53              | 67,86           |

- Diện tích giảm 24,45% so với vụ 19/20 và giảm 32% so vụ 18/19.

- Sản lượng giảm 3,75% so vụ 19/20 và giảm 28% so vụ 18/19

Tuy vậy HĐQT đã kịp thời ban hành các chính sách nhằm ổn định và phát triển vùng nguyên liệu mía. Tập trung phát triển vùng nguyên liệu trọng điểm, trú trọng đến nâng cao năng suất, chất lượng và thời gian lưu gốc. Ban hành chính sách chênh lệch giá mua để nhân nhanh các bộ giống mía mới QD42; KK3; BM423.

Về giá thu mua mía: Sau khi vào vụ ép nhận thấy giá đường trong nước được cải thiện, Công ty đã điều chỉnh tăng giá mía 02 lần với tổng giá tăng là 70.000đ/tấn. Giá mua mía bình quân cả vụ tại nhà máy : 923 đồng/kg, tại ruộng là: 867 đồng/kg. Tiền mía được thanh toán kịp thời, chính xác.

### **2. Về sản xuất chế biến.**



## 2.1. Đối công tác đầu tư dây chuyền:

a/ Các hạng mục đầu tư thay mới thiết bị dây chuyền.

| TT | Hạng mục Thiết bị                             | Đơn vị | Thành tiền   |
|----|---|--------|--------------|
| 1  | Đầu tư hệ thống băng truyền kho thành phẩm    | Tr.đ   | 228.4        |
| 2  | Đầu tư thay mới lô máy xé I                   | Tr.đ   | 832.8        |
| 3  | Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động | Tr.đ   | 572.8        |
| 4  | Máy in phun Sop 690 (in ngày tháng sản xuất)  | Tr.đ   | 98.8         |
| 5  | Thiết bị đóng túi đường tự động               | Tr.đ   | 181.0        |
| 6  | Thay mới cân đóng bao                         |        | 168.0        |
| 7  | Máy Phô tô                                    | Tr.đ   | 60.9         |
|    | <b>Cộng</b>                                   |        | <b>2.142</b> |

b/ Đầu tư Xây dựng cơ bản.

| TT | Hạng mục                     | Đơn vị      | Thành tiền  |
|----|------------------------------|-------------|-------------|
|    | Lắp mới mái che thùng mật rỉ | Tr.đ        | 56.0        |
|    | <b>Cộng</b>                  | <b>Tr.đ</b> | <b>56.0</b> |
|    |                              |             |             |

c/ Đầu tư phương tiện vận tải:

- Mua mới xe Everrest 7 chỗ 1.215 triệu

Tổng vốn đầu tư thực hiện đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị trong năm là 3.413 triệu đồng, sử dụng từ nguồn vốn tự có (chưa bao gồm các vật tư thay thế cho SC-BD sau vụ ép).

## 2.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội năm 2020:

Sản phẩm đường kính trắng đạt tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam TCVN 7968: 2008; Sản phẩm đường kính Vàng đạt tiêu chuẩn cơ sở.

| Chỉ tiêu<br>(1)              | ĐVT<br>(2) | Nghị quyết<br>(3) | TH vụ 20-21<br>(4) | %<br>(4:3) |
|------------------------------|------------|-------------------|--------------------|------------|
| 1. Sản lượng mía ép          | Tấn        | 120.000           | 139.294            | 114        |
| 2. Tổng sản lượng đường kính | Tấn        | 12.973            | 16.950,4           | 131        |
| Trong đó: Đường Trắng        | Tấn        | 6.350             | 5.605,65           | 88         |

|                                     |          |         |           |       |
|-------------------------------------|----------|---------|-----------|-------|
| <i>Đường Vàng</i>                   | Tấn      | 6.623   | 11.344,75 | 171   |
| 3. Sản lượng mật ri nhập kho        | Tấn      | 4.800   | 5.439     | 113   |
| 4. Sản lượng phân hữu cơ (bùn,tro)  | Tấn      | 3.000   | 6.375     | 212,5 |
| 5. Tổng doanh thu tiêu thụ sản phẩm | Tr. đồng | 163.270 | 243.753   |       |
| 6. Lợi nhuận từ SXKD (trước thuế)   | Tr. đồng | 1.931   | 56.963    | 2950  |
| 7. Lợi nhuận sau thuế               | Tr. đồng | 1.931   | 56.452    | 2923  |
| 8. Tỷ lệ chia Cổ tức / vốn điều lệ  | %        |         | 10        |       |

### **3. Về các mặt công tác khác**

#### **3.1. Về quản lý lao động**

Công ty luôn quan tâm tuyển dụng, đào tạo, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, khuyến khích sự phấn đấu, đóng góp của người lao động vào mục đích phát triển của Công ty. Chất lượng đội ngũ cán bộ CNV lao động ngày càng được nâng cao, thông qua việc đánh giá năng lực hàng năm, rà soát lại đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị, quy hoạch, đào tạo cán bộ phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.

#### **3.2. Quản lý chất lượng:**

Hiện nay đang áp dụng thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015, trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn giám sát và quả chế các chỉ tiêu đề ra; các quy trình làm việc được bổ sung có Hiệu quả, chất lượng công việc được nâng lên.

#### **3.3. Về quản lý môi trường**

Công tác xử lý nước thải, rác thải công nghiệp, kho chứa lóca chất... bảo vệ môi trường được HĐQT đặc biệt quan tâm tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, đảm bảo toàn bộ nước sau khi phục vụ công tác sản xuất chế biến đường đều được xử lý theo đúng quy định trước khi xả ra môi trường. Các chất thải có yếu tố độc hại nguy hiểm đều được tiêu huỷ đúng theo quy định của cơ quan chức năng.

#### **3.4. Về công tác xã hội**

Công ty luôn tham gia đóng góp đầy đủ các quỹ : an ninh quốc phòng, Quỹ nông dân, khuyến học, ủng hộ các địa phương khi gặp thiên tai...

#### **3.5. Lựa chọn công ty kiểm toán**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc để kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2020- 2021.

### **4. Hoạt động của Hội đồng quản trị**



Trong năm qua HĐQT đã thực hiện họp định kỳ và đột xuất để giải quyết, xử lý công việc được kịp thời. Tại các kỳ họp HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của kỳ trước, xác định nhiệm vụ, đưa ra các chủ trương, giải pháp thực hiện nhiệm vụ của kỳ sau, nội dung cụ thể của các kỳ họp trong năm như sau:

4.1 Kỳ họp ngày ngày 18/9/2020 (Nghị quyết số 271/NQ-HĐQT):

- Chốt danh sách cổ đông tham dự; thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020

4.2. Kỳ họp ngày 9/11/2020 (ban hành Nghị quyết số 337/NQ-HĐQT)

- Phê chuẩn chức danh chủ tịch HĐQT đối với ông Nông Văn Lạc và chức danh Phó chủ tịch HĐQT đối với ông Ma Trung Lập.

4.3. Kỳ họp ngày 31/12/2020 ( ban hành Nghị quyết số: 427/NQ-HĐQT):

- Điều chỉnh tăng 50đ/kg đối với các loại mía nguyên liệu (áp dụng từ 0h00, ngày 02 tháng 01 năm 2021)

- Mua 200 tấn mía Hạ Lang làm mía giống với giá 1.100đ/kg, xuất bán cho người trồng 600đ/kg. Cung ứng mía giống Quế đường 42 cho người trồng không thu tiền.

- Thống nhất sản lượng bán trong vụ sản xuất từ 6.000 tấn đến 6.500 tấn, bao gồm cả đường trắng và đường vàng.

- Chi tiền thưởng tết dương lịch mức 200.000đ/người cho tất cả người lao động tham gia vụ sản xuất 2020-2021

4.4. Kỳ họp ngày 21/01/2021 (ban hành Nghị quyết số: 27/NQ-HĐQT):

- Điều chỉnh giá bán đường 13.500đ/kg

- Điều chỉnh tăng giá mía lần 2 lên thêm 20đ/kg.

- Mua oto con 7 chỗ hãng Ford Everest.

4.5 Kỳ họp ngày 19/02/2021 (ban hành Nghị quyết số: 58/NQ-HĐQT)

- Thanh lý xe Camry với giá 400 triệu

- Thống nhất số lượng bán thêm trong vụ sx là 2.000 tấn.

4.6. Kỳ họp ngày 25/3/2021 (ban hành Nghị quyết số 108/NQ-HĐQT)

- Bãi nhiệm chủ tịch HĐQT đối với ông Nông Văn Lạc.

- Bầu lại chủ tịch HĐQT đối với ông Nông Văn Thuyết.

4.7 Kỳ họp ngày 26/3/2021 (ban hành Nghị quyết số: 110/NQ-HĐQT)

- Ban hành mức chi hỗ trợ lao động ngoài vụ ép không bố trí được việc làm

- Chủ trương bổ sung, điều chỉnh hệ số thang bảng lương

4.8. Kỳ họp ngày 13/4/2021 (ban hành Nghị quyết số 136/NQ-HĐQT):

- Thông qua quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;

- Kế hoạch tiêu thụ 2.000 tấn đường đến ngày 30/6/2021;

- Chủ trương tổ chức thi nâng bậc.

4.9. Kỳ họp ngày 27/4/2021 (ban hành Nghị quyết số:149/NQ/HĐQT)



- Lấy ý kiến bằng văn bản để bù đắp lỗ lũy kế.

4.10. Kỳ họp 11/5/2021 (ban hành Nghị quyết số: 172/NQ-HĐQT)

- Thông qua mức bù đắp lỗ lũy kế để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản dùng từ hai nguồn là Thặng dư vốn cổ phần 3.943 triệu và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 9.986 triệu đồng.

4.11. Kỳ họp ngày 7/6/2021 (ban hành Nghị quyết số: 197/NQH-HĐQT)

- Phê duyệt dự toán công trình cải tạo sửa đường vào trụ sở Công ty.

4.12. Kỳ họp ngày 17/6/2021 (Ban hành Nghị quyết số: 216/NQ-HĐQT)

- Chấp thuận thông qua kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về phương án bù lỗ lũy kế từ nguồn quỹ Thặng dư vốn cổ phần và quỹ khác thuộc vốn chủ sở.

#### **4. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT.**

Trong năm 2020-2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, để thường xuyên đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty. Ban hành 12 Nghị quyết nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, đưa ra các giải pháp chỉ đạo hợp lý nhằm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đề ra.

Trong quá trình hoạt động HĐQT đã phối hợp tốt với Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, tổ chức Đảng, tổ chức đoàn thể, để thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành các hoạt động của Công ty; thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chỉ đạo, giám sát đầu tư Xây dựng vùng nguyên liệu mía ổn định, trú trọng phát triển vùng nguyên liệu trọng điểm. Tăng năng suất, tăng thời gian lưu gốc. đảm bảo sản lượng mía nguyên liệu cung cấp đủ cho nhà máy hoạt động theo công suất.

Chú trọng công tác sửa chữa bảo dưỡng sau vụ sản xuất để nâng cao hiệu suất dây chuyền, nâng cao thu hồi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản xuất. cải thiện Điều kiện làm việc cho người lao động, tạo sự gắn bó của CBCNV lao động với Công ty. Các hoạt động của Công ty đã đi vào nề nếp có hiệu quả và đóng góp ngân sách Nhà nước.

Hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm thực hiện tốt, duy trì và trú trọng các khách hàng truyền thống, tìm kiếm khách hàng và vùng thị trường mới phù hợp đặc điểm sản phẩm.

#### **5. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban điều hành:**

- HĐQT đã ban hành quy chế hoạt động, phân công phân nhiệm cho từng thành viên trong công tác giám sát Ban điều hành và các lĩnh vực hoạt động của Công ty để đảm bảo việc triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của TGD, Ban TGD.



- Niên độ 2020-2021 TGD, Ban TGD đã quán triệt và triển khai có hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các khuyến cáo của BKS, hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ.

#### **6. Những hạn chế tồn tại và nguyên nhân:**

##### **\* Tồn tại:**

- Vùng nguyên liệu bị thu hẹp, sản lượng giảm. Tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong khâu trồng, chăm sóc mía còn thấp. Việc tìm kiếm và áp dụng các bộ giống mới vào diện rộng còn chậm nên năng suất chưa được như kỳ vọng.

- Hiệu suất thu hồi sản xuất có cao hơn năm trước nhưng một số chỉ tiêu tổn thất còn cao so kế hoạch.

- Về kinh doanh tiêu thụ sản phẩm: giá thị trường được cao hơn năm trước nhưng giá bán bình quân đạt thấp hơn mặt bằng chung cả nước.

##### **\* Nguyên nhân:**

- Do giá đường giảm sâu từ vụ 2 vụ trước kéo theo giá mía thấp, không hấp dẫn được người trồng mía, nông dân đã chuyển một phần diện tích sang trồng cây khác hoặc ít trú trọng chăm sóc mía.

- Điều kiện kinh tế địa phương khó khăn, đất trồng manh mún, trồng hộ cá thể nên việc đầu tư và cơ giới hóa còn nhiều hạn chế. cán bộ nguyên liệu còn hạn chế về trình độ chuyên môn, một số chưa sát sao.

- Do dây chuyền sản xuất đầu tư chưa đồng bộ, một số công đoạn sản xuất có công suất thiết bị thấp hơn công suất chung dây chuyền như nấu đường, làm sạch cộng thêm trình độ, kỹ năng của công nhân ở một số cương vị chưa cao.

- Do chất lượng sản phẩm chưa so kịp các nhà máy khác, điều kiện về vận chuyển xa nên chi phí vận chuyển cao hơn tạo nên sự chênh lệch giá bán so với mặt bằng chung.

#### ***Phần thứ hai***

### **II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NIÊN VỤ 2021-2022.**

#### **A. Nhận định tình hình chung.**

Trên thế giới theo dự báo tổ chức ISO ngành mía đường trong năm 2022 vẫn duy trì tình trạng cung thiếu hụt so với cầu do sự giảm sản lượng ở Brazil; Australia và ở Thái Lan, ngoài ra có yếu tố tăng giá của dầu thô một số quốc gia sẽ chuyển nguồn nguyên liệu mía sang sản xuất Ethanol, lượng thiếu hụt dự báo là 2,7 triệu tấn, có tổ một số tổ chức khác dự báo thiếu 4,6 triệu tấn.

Trong nước theo báo cáo Hiệp Hội mía đường khoảng thiếu hụt cung so với cầu càng cao hơn khi sản lượng sản xuất trong vụ vừa qua chỉ đạt gần 700 nghìn tấn, còn nhu cầu tiêu thụ cả nước năm 2022 sẽ đạt khoảng 2,2 triệu tấn đường các loại. Dự báo vụ 2021-2022

sản lượng có tăng nhưng cung không đáng kể do sự giảm sâu sản lượng mía từ những vụ trước, mặc dù giá mía đã được điều chỉnh tăng theo giá đường, tuy nhiên vùng nguyên liệu sẽ không thể hồi phục ngay trong vụ tới. Ngoài ra Quyết định số 1578/QĐ-BCT, ngày 15/6/2021 của bộ Công thương có hiệu lực 5 năm sẽ ngăn chặn đường nhập khẩu từ Thái Lan được trợ giá, trợ cấp vào làm chủ thị trường trong nước như những năm trước. Do đó nhận định giá cả thị trường trong năm 2022 vẫn còn dư địa tăng. Tuy nhiên cũng tồn tại những yếu tố rủi ro đặc biệt là đại dịch Covid-19 sẽ làm giảm lượng tiêu thụ của thị trường.

## **B. Mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2021 – 2022.**

Theo số liệu từ vùng nguyên liệu và kết quả thực hiện kế hoạch vụ 2020-2021 HĐQT xây dựng mục tiêu sản xuất kinh doanh cho niên vụ 2021-2022, trình đại hội đồng cổ đông xem xét như sau:

1. Diện tích mía nguyên liệu vụ đông xuân 2021-2022 đạt: 2.500 ha trở lên

Trong đó diện tích trồng mới:  $\geq 1.100$  ha

2. Năng suất bình quân :  $\geq 64$  tấn/ ha

3. Sản lượng mía ép vụ 2021-2022 :  $\geq 134.648$  tấn

4. Tỷ lệ mía/ đường : dưới 9,0 mía/đường

5. Hiệu suất tổng thu hồi  $\geq 84,5$  %

6. Công suất chế biến thực tế bình quân: 1.600 tấn mía/ngày .

7. Sản lượng đường nhập kho:  $\geq 14.960,8$  tấn

8. Sản lượng đường tiêu thụ:  $\geq 15.150$  tấn

9. Sản lượng Mật rỉ tiêu thụ:  $\geq 5.610$  tấn

10. Sản lượng phân hữu cơ tiêu thụ:  $\geq 3366$  tấn

11. Tổng doanh thu đạt:  $\geq 217.757$  triệu đồng

12. Lợi nhuận trước thuế:  $\geq 26.683$  triệu đồng

13. Nộp ngân sách Nhà nước: 8,5 tỷ

14. Cổ tức 20 %/ năm

## **C. Một số giải pháp thực hiện trong niên vụ 2021-2022**

### **1. Về tổ chức quản trị**

1.1. Thực hiện quản trị theo quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế Ban TGD

1.2. Tiếp tục xem xét bộ máy, tinh giảm lao động nhưng hoạt động có hiệu quả.

1.3. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện bộ tiêu chuẩn các chức danh, cương vị gắn với tiêu chuẩn cấp bậc, tiền lương.

1.4. Mở lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lao động trẻ đã ký hợp đồng dài hạn



- 1.5. Hoàn thiện Quy chế Quản lý lao động và quy chế tiền lương, tiền thưởng.
- 1.6. Hàng năm thực hiện đánh giá năng lực công tác và lấy phiếu tín nhiệm của cán bộ quản lý, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động công khai minh bạch.
- 1.7. Sửa đổi Bổ sung có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.
- 1.8. Tổ chức thu gom và tiêu thụ bã bùn, tro lò cho vùng nguyên liệu mía.

## **2. Về xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía:**

- 2.1. Tập trung đầu tư tư vào vùng nguyên liệu trọng điểm; Nhân nhanh các bộ giống mía mới, ban hành chính sách khuyến khích chăm sóc mía gốc.
- 2.2. Rà soát diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu mía cho nhà máy, đánh giá khả năng cung cấp nguyên liệu, tiếp tục xây dựng chính sách đầu tư hỗ trợ cho nông dân theo hướng khuyến khích tăng năng suất, chất lượng mía; Đảm bảo xây dựng được vùng nguyên liệu mía phát triển ổn định bền vững.
- 2.3. Tổ chức tốt công tác đôn chặt vận chuyển, đảm bảo mía chặt xong được chuyển ngay về chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất.

## **3. Về Đầu tư thiết bị dây chuyền chế Chế biến:**

Tiếp tục thực hiện đầu tư để nâng cao hiệu suất tổng thu hồi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, tận thu phế phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Lựa chọn tỷ lệ sản xuất từng loại sản phẩm đường Trắng, đường phù hợp. để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu suất tổng thu hồi và chất lượng sản phẩm.

Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường

## **5. Về Tiêu Thụ sản phẩm.**

Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm hợp lý, tạo lập kênh phân phối ổn định thông qua ký kết Hợp đồng với các khách hàng truyền thống. Mở rộng đối tác, tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sang Trung Quốc khi cơ chế cửa khẩu cho phép. Tăng cường thị phần bán lẻ tại thị trường các tỉnh lân cận.

## **6. Về tiêu thụ sản phẩm sau đường:**

Xây dựng chính sách tiêu thụ sản phẩm linh hoạt, phù hợp từng thời kỳ.

### **Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông;
- Lưu: HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Nông Văn Thuyết**



**CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**  
**BAN KIỂM SOÁT**

Số 344/BC-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Hòa, ngày 05 tháng 10 năm 2021

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĐTC 2020- 2021**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên niên độ 2020-2021 của Công ty CP mía đường Cao Bằng ngày 30/10/2020;

Ban kiểm soát báo cáo trước ĐHCĐ, về công tác hoạt động niên độ 2020-2021 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát niên độ tài chính 2021-2022 như sau :

### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS)**

#### **1. Cơ cấu thành phần Ban Kiểm soát**

- 1 - Bà Hoàng Thị Quyết – Trưởng ban
- 2 - Ông Đinh Bế Đình – Thành viên
- 3 - Ông Trương Minh Đức – Thành viên

#### **2. Tình hình hoạt động và các cuộc họp của Ban Kiểm soát**

2.1. Trong thời gian từ sau ĐHCĐ thường niên năm 2020 đến nay, công tác kiểm soát, giám sát của Ban Kiểm soát tập trung vào các nội dung sau:

- Tổng kết hoạt động kiểm soát, giám sát NĐTC 2019-2020; thông qua báo cáo trình ĐHCĐ; thông qua kế hoạch hoạt động NĐTC 2020-2021 của Ban Kiểm soát.
- Giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ và các Nghị quyết của HĐQT Công ty.
- Ban Kiểm soát/thành viên BKS đã tham dự và tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ trong các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp giao ban của công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của Nhà nước, quy định nội bộ của Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp, của người lao động và của cổ đông Công ty, giám sát việc triển khai các giải pháp ứng phó với dịch bệnh covid 19.



- Kiểm tra tính tuân thủ, tin cậy, tính hệ thống và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty; kiểm tra việc triển khai thực hiện khuyến cáo, kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, kiểm toán

- Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo tài chính niên độ 2020-2021 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành.

## 2.2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

- Trong thời gian từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đến nay, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên để hiểu khai thực hiện các nội dung công việc theo chức trách nhiệm vụ và thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

- Các cuộc họp của BKS

- Lần 1: Kiểm điểm công tác kiểm soát NĐTC 2019-2020 và kế hoạch hoạt động niên độ 2020-2021

- Lần 2 : Đánh giá công tác quý I NĐTC 2020-2021 và kế hoạch hoạt động quý II niên độ 2020-2021

- Lần 3 : Đánh giá công tác quý II NĐTC 2020-2021 và kế hoạch hoạt động quý III niên độ 2020-2021

- Lần 4 : Đánh giá công tác quý III NĐTC 2020-2021 và kế hoạch hoạt động quý IV niên độ 2020-2021

- Lần 5: Đánh giá công tác quý IV NĐTC 2020-2021 Thẩm định báo cáo tài chính NĐTC 2020-2021, thông qua báo cáo kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2020-2021

- Ban kiểm soát chưa phát hiện hiện tượng vi phạm Pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

## 3 - Thù lao BKS

- Trong quá trình hoạt động BKS được chi trả thù lao theo đúng quy định và nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên NĐTC 2020-2021.

+Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng

+Ủy viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6 /tháng/người

+Mức tiền lương tối thiểu công ty áp dụng là 1.600.000 đồng

## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGD

### 1. Kết quả giám sát hoạt động HĐQT

- Trong NĐTC 2020-2021 HĐQT đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ trong công tác quản lý và điều hành công ty.

- HĐQT đã chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện tốt các nội dung Nghị quyết số 326/NQ-MĐ ngày 30/10/2020 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD.

- HĐQT của công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, các cuộc họp đột xuất khi cần thiết để triển khai thống nhất định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT và Ban giám đốc Công ty đã tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành Công ty theo quy định Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Thực hiện nghĩa vụ với NSNN, BHXH theo quy định.

- BKS đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

## 2. Kết quả giám sát công tác điều hành của BTGD và bộ phận quản lý công ty.

- Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty đã tuân thủ đúng theo Qui định, Điều lệ của công ty, triển khai thực hiện các chủ trương, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, Nghị quyết Quyết định của HĐQT, tập trung điều hành sản xuất linh hoạt kịp thời, chủ động nguồn lực ứng phó với khó khăn của ngành mía đường. Trong quá trình thực hiện Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty, thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, Quy chế công ty và định hướng của HĐQT, công bố thông tin đúng quy định.

- Kết quả đạt được trong NĐTC 2020-2021 như sau:

### 2.1 Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ NĐTC 2020 – 2021

- NĐTC 2020-2021 các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội ĐCĐ 2020 đều thực hiện vượt mức so với kế hoạch đề ra. Doanh thu thực hiện từ 01/7/2020 đến 30/6/2021 tăng so với kế hoạch do tình hình tiêu thụ đường thuận lợi hơn. Lợi nhuận hoàn thành vượt mức kế hoạch giao, nguyên nhân chủ yếu là do: sản lượng bán ra tăng, giá bán tăng, chi phí sản xuất và chi phí khác đều giảm.

- Kết quả cụ thể :

| TT | Chỉ tiêu  | ĐVT | KH 2020-2021<br>Theo Nghị<br>quyết | Thực hiện<br>2020-2021 | Tỷ lệ %<br>hoàn thành<br>KH |
|----|---|-----|------------------------------------|------------------------|-----------------------------|
| 1  | Sản lượng mía   | Tấn | 124.867                            | 141.580                | 113                         |
|    | <u>Trong đó:</u><br>+ Mía ép<br>+ Mía giống<br>+ Mía xuất đi TQ |     | 120.000                            | 139.294<br>2.287       | 116                         |
| 2  | Sản lượng đường   | Tấn | 12.973                             | 16.950,4               | 130,6                       |



|   |                           |      |         |         |       |
|---|---------------------------|------|---------|---------|-------|
| 3 | Sản lượng mật rỉ nhập kho | Tấn  | 4.800   | 5.439   | 113   |
| 4 | Sản lượng bã bùn          | Tấn  | 3.000   | 6.375   | 212   |
| 5 | Tổng doanh thu            | Tr.đ | 163.270 | 243.753 | 157   |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế      | tr.đ | 1.932   | 56.963  | 2.948 |
| 7 | Tổng lợi nhuận sau thuế   | Trđ  | 1.932   | 56.453  | 2.921 |

## 2.2 Về công tác đầu tư, XDCB, Sửa chữa bảo dưỡng

- Trong NĐTC 2020-2021 công ty đã đầu tư mua một số máy móc thiết bị với tổng số tiền đầu tư :3.413 triệu đồng cụ thể :

| STT                                | Tên tài sản                                      | ĐVT | Số lượng | Thành tiền (tr.Đồng) |
|------------------------------------|--|-----|----------|----------------------|
| <b>A- Xây dựng cơ bản</b>          |  |     |          |                      |
| 1                                  | Lắp mới mái che thùng mật rỉ 1.200m <sup>3</sup> |     |          | 56.0                 |
| <b>B- Máy móc thiết bị</b>         |  |     |          |                      |
| 1                                  | Hệ thống băng tải đường thành phẩm               |     |          | 228.4                |
| 2                                  | Lô máy xé mía phi 980x1400                       |     |          | 832.8                |
| 3                                  | Cân đóng bao thành phẩm model KB02               |     |          | 168.0                |
| 4                                  | Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải CN tự động |     |          | 572.8                |
| 5                                  | Máy in phun Sop 690 (in ngày tháng sản xuất)     |     |          | 98.8                 |
| 6                                  | Thiết bị đóng đường túi tự động                  |     |          | 181.0                |
| <b>C- Phương tiện vận tải</b>      |  |     |          |                      |
| 1                                  | Mua mới xe ô tô 7 chỗ hiệu Ford everrest 2.0L    |     |          | 1.215.0              |
| <b>D- Thiết bị dụng cụ quản lý</b> |  |     |          |                      |
| 1                                  | Máy Phô tô                                       |     |          | 60.9                 |
| <b>Tổng cộng</b>                   |  |     |          | <b>3.413.</b>        |

Các hạng mục đầu tư đều được phê duyệt, thẩm định, thực hiện đúng quy trình và đã đưa vào sử dụng.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng dây chuyền thiết bị sản xuất đường, tốt hơn so với vụ trước, không có sự cố lớn xảy ra tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục.

### **2.3 Về công tác nguyên liệu**

Diện tích vụ đông xuân 2020-2021 giảm 11% so với kế hoạch

Về năng suất : tăng 11% so với kế hoạch

Về sản lượng tăng 13% so với kế hoạch

Thu hồi nợ trong năm đạt : 99.89%

Vùng nguyên liệu của công ty còn dãn trải nên việc quản lý khá phức tạp, việc đưa giống mới có năng suất chất lượng vào thay thế còn nhiều hạn chế, vấn đề đưa cơ giới hóa, đưa khoa học kỹ thuật áp dụng trong trồng mía rất khó khăn.

Công tác đốn chặt vận chuyển NĐTC 2020-2021 thực hiện tốt đáp ứng được kế hoạch sản xuất.

Mô hình câu lạc bộ 80 tấn/ha, qua nhiều năm hoạt động không hiệu quả nên Công ty đã có quyết định dừng chi trả phụ cấp cho câu lạc bộ.

### **2.4 Công tác sản xuất chế biến, tiêu thụ đường**

- NĐTC 2020-2021 là một niên vụ thuận lợi cho sản xuất chế biến của công ty. Thời gian thu hoạch mía đúng thời vụ, nhà máy chế biến đường thực hiện tốt công tác bảo dưỡng nên trong quá trình sản xuất không có sự cố lớn, an toàn thiết bị > 98%, hiệu suất thu hồi >85%, an toàn lao động 100% .Sản lượng đường sản xuất trong năm được 16.950,4 tấn tăng 30,6 % so với kế hoạch. Tỷ lệ mía /đường bình quân 8,22; chất lượng đường thành phẩm tốt hơn vụ trước.

Về sản lượng đường tiêu thụ NĐTC 2020-2021 tăng hơn 27,5 so với kế hoạch, giá bán tăng vì vậy vốn lưu động của công ty được đảm bảo.

Vật tư hóa chất tiêu hao dùng trong sản xuất đều nằm trong định mức

### **2.5 Công tác nhân sự**

- Thực hiện các chính sách lao động theo đúng luật định. Công tác định biên tuyển dụng kịp thời, giải quyết đầy đủ chế độ cho người lao động. Tuy nhiên ở một số vị trí nhân lực chất lượng cao vẫn bị thiếu.

### **2.6 Công tác khác**

Công tác an toàn lao động, an ninh trật tự được thực hiện tốt, công tác phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp được thực hiện thường xuyên, Công tác bảo vệ xử lý môi trường thu gom rác thải trong năm vừa qua đạt yêu cầu.

## **III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Thẩm định báo cáo tài chính NĐTC 2020-2021**

- Báo cáo tài chính đã được trình bày đầy đủ, rõ ràng phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài chính của công ty. Công ty đã chấp hành đúng theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.



- BKS thẩm định và thống nhất với các nội dung của báo cáo tài chính NĐTC 2020-2021 đã được công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán.

**2. Tình hình tài chính của công ty NĐTC 2020-2021:**

| TÀI SẢN                    |  | Tại ngày<br>30/06/2021 | Tại ngày<br>30/06/2020 | So sánh %   |
|----------------------------|--|------------------------|------------------------|-------------|
| <b>A-</b>                  | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>106.747.086.394</b> | <b>60.084.611.862</b>  | <b>177</b>  |
| <b>I.</b>                  | <i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>  | <i>63.298.896.318</i>  | <i>16.881.696.811</i>  |             |
| <b>II.</b>                 | <i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i> |                        |                        |             |
| <b>III</b>                 | <i>Các khoản phải thu</i>                  | <i>19.054.624.775</i>  | <i>13.606.352.466</i>  |             |
| <b>III</b>                 | <i>Hàng tồn kho</i>                        | <i>24.393.565.301</i>  | <i>29.596.595.585</i>  |             |
| <b>IV</b>                  | <i>Tài sản ngắn hạn khác</i>               |                        |                        |             |
| <b>B-</b>                  | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | <b>60.017.914.090</b>  | <b>67.747.955.606</b>  | <b>88,5</b> |
| <b>I.</b>                  | <i>Các khoản phải thu dài hạn</i>          |                        |                        |             |
| <b>II.</b>                 | <i>Tài sản cố định</i>                     | <i>49.247.222.599</i>  | <i>55.219.390.252</i>  |             |
| <b>III</b>                 | <i>Bất động sản đầu tư</i>                 |                        |                        |             |
| <b>IV</b>                  | <i>Tài sản dở dang dài hạn</i>             | <i>5.671.085.765</i>   | <i>5.650.173.955</i>   |             |
| <b>V</b>                   | <i>Tài sản dài hạn khác</i>                | <i>5.099.605.726</i>   | <i>6.878.391.399</i>   |             |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>   |  | <b>166.765.000.484</b> | <b>127.832.600.468</b> | <b>130</b>  |
| <b>A-</b>                  | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>48.556.123.167</b>  | <b>66.076.713.478</b>  | <b>73</b>   |
| <b>I.</b>                  | <i>Vay và nợ ngắn hạn</i>                  | <i>48.556.123.167</i>  | <i>63.545.322.478</i>  |             |
| <b>II</b>                  | <i>Nợ dài hạn</i>                          | <i>0</i>               | <i>2.531.391.000</i>   |             |
| <b>B-</b>                  | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      | <b>118.208.877.317</b> | <b>61.755.886.990</b>  | <b>191</b>  |
| <b>I.</b>                  | <i>Vốn chủ sở hữu</i>                      | <i>118.173.877.317</i> | <i>61.720.886.990</i>  |             |
| <b>II.</b>                 | <i>Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>          | <i>35.000.000</i>      | <i>35.000.000</i>      |             |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> |  | <b>166.765.000.484</b> | <b>127.832.600.468</b> | <b>130</b>  |

Một số chỉ tiêu phân tích đánh giá tình hình tài chính của công ty

| Chỉ tiêu   | Tại ngày<br>30/06/2021 | Tại ngày<br>01/07/2020 |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>1-Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b> |                        |                        |
| 1.1 Cơ cấu tài sản                                 |                        |                        |
| -Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản                     | 64%                    | 47%                    |



|  |      |       |
|--|------|-------|
| - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản           | 36%  | 52,9% |
| <b>1.2 Cơ cấu nguồn vốn</b>                |      |       |
| - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn             | 29%  | 51,6% |
| - Nguồn VCSH/ Tổng nguồn vốn               | 71%  | 48,3% |
| <b>2- Khả năng thanh toán</b>              |      |       |
| - Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/NNH) | 2,19 | 0,94  |
| - Khả năng thanh toán tổng quát (TTS/NPH)  | 3,43 | 1,93  |
| <b>3. Tỷ suất sinh lời</b>                 |      |       |
| - Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần            | 23%  | 2,97% |

Tình hình tài chính NĐTC 2020-2021 so với NĐTC 2019-2020 đã được cải thiện. vốn chủ sở hữu chiếm tỉ trọng lớn hơn trong cơ cấu nguồn vốn. Công ty tự chủ được nguồn tài chính. Khả năng thanh toán tốt.

#### **IV. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BTGD VÀ CỔ ĐÔNG**

Mối quan hệ giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty được duy trì dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình điều hành.

Các thành viên BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động SXKD của công ty, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. Để từ đó BKS nắm bắt được các thông tin, tình hình hoạt động của công ty cũng như trao đổi tham gia cùng HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản trị điều hành.

Đối với cổ đông: BKS cũng trao đổi thông tin và tiếp thu ý kiến đóng góp của cổ đông. Trong NĐTC 2020-2021 BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT**

##### **1. Đối với vùng nguyên liệu**

Quy hoạch vùng nguyên liệu trọng điểm, có chính sách đầu tư phù hợp, chú trọng cơ giới hóa và trồng đúng quy trình kỹ thuật, thâm canh các giống mía mới, để tăng năng suất chất lượng mía, tăng thu nhập cho các hộ trồng mía.

Phân bổ địa bàn cho cán bộ địa bàn phù hợp với chính sách giao xe hiện nay.

##### **2. Đối với dây chuyền sản xuất**

Cải tạo, thay thế các thiết bị tự động hóa, bán tự động để nâng cao chất lượng sản phẩm có tính cạnh tranh. Kiểm soát tốt các công đoạn trong sản xuất theo chỉ tiêu KTKT, sử dụng các vật tư, hóa chất tiêu hao đúng định mức tiết kiệm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

##### **3. Đối với HĐQT, Ban TGĐ**



- Nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Cân đối dòng tiền, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả;
- Cân đối giữa vốn vay ngắn hạn và dài hạn
  - Tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm;
  - Chỉ đạo xây dựng quy chế quản lý tài chính, định mức sử dụng vật tư trong sửa chữa bảo dưỡng.
  - Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động, tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề, bố trí đúng người đúng việc để tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả SXKD.

## **VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VỤ 2021-2022**

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Điều lệ công ty BKS công ty CP mía đường Cao Bằng dự kiến kế hoạch hoạt động trong NĐTC 2021-2022 như sau:

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh NĐTC 2021-2022.
- Kiểm tra giám sát các khoản định mức tiêu hao và các chi phí sản xuất để SXKD đạt hiệu quả.
- Kiểm tra tính tuân thủ và tình hình quản lý tài chính của công ty.
- Thẩm định BCTC năm của công ty.
- Các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của BKS quy định trong Điều lệ của Công ty.

Trên đây là những nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty CP mía đường Cao Bằng. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



**Hoàng Thị Quyết**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 345/BC - MĐ

Tà Lùng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĐTC 2020 - 2021  
VÀ MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĐTC 2021 - 2022**

**Phần I  
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĐTC 2020-2021**

**I/ Đặc điểm tình hình:**

**\* Thế giới**

Tổ chức đường thế giới (ISO) đã thay đổi dự đoán trước đó về thâm hụt đường toàn cầu từ 4,8 triệu tấn xuống 3,1 triệu tấn trong niên vụ 2020-2021. do tiêu thụ đường trên toàn thế giới giảm. ISO dự báo sản lượng đường tiêu thụ toàn cầu sẽ giảm từ 173,8 triệu tấn xuống 172,4 triệu tấn. Nguyên nhân do sự bùng phát dịch COVID-19 ở Ấn Độ và Brazil, hai quốc gia sản xuất đường hàng đầu thế giới. Trong khi đó, sản lượng toàn cầu dự kiến tăng nhẹ lên 169,2 triệu tấn, tăng so với dự báo trước đó là 169 triệu tấn, với sự điều chỉnh tăng tại Brazil bù đắp một phần bởi ước tính thấp hơn cho Thái Lan và Cuba.

**\* Trong nước**

- Sau khi thủ tướng chính phủ ban hành chỉ thị số 28/CT-TTg, ngày 14/7/2020 về việc “triển khai các giải pháp phát triển ngành mía đường Việt Nam trong tình hình mới” tiếp đó ngày 21/9/2020, bộ công thương thực hiện chỉ thị 28 và các kiến nghị của Hiệp hội VSSA đã ban hành quyết định số 2466/QĐ-BCT, về việc “điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan. Mặc dù vậy nhưng đường nhập khẩu theo hiệp định ATIGA và đường nhập lậu vẫn vào Việt Nam và làm chủ thị trường trong nước. Giá đường ở mức thấp, sức tiêu thụ chậm ở 6 tháng cuối năm 2020 .

- Sau 5 tháng điều tra, ngày 9/02/2021 bộ Công thương ban hành Quyết định số 477/QĐ-BCT về việc “Áp dụng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp tạm thời đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan” cộng với sự khủng hoảng



Container trong ngành logistic thì đường nhập khẩu mới chững lại và giá đường trong nước bắt đầu được cải thiện.

- Ngày 15/6/2021 có thể xem là một mốc lịch sử của ngành đường Việt Nam khi Bộ Công Thương sau quá trình điều tra theo đúng các quy định của Luật Quản lý ngoại thương cũng như quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đã ra Quyết định số 1578/QĐ-BCT áp dụng mức thuế chống bán phá giá chính thức là 42,99% và mức thuế chống trợ cấp chính thức là 4,65% đối với sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan trong thời hạn 5 năm. Giá đường của Việt Nam đã tăng lên đáng kể so với trước nhưng vẫn thấp hơn giá nội địa trong khu vực ASEAN và Trung Quốc.

- Sau thời gian dài đường nhập lậu và nhập chính ngạch được trợ giá từ Thái Lan làm giá đường trong nước giảm sâu, hệ thống nhà máy sản xuất trong nước phải cắt lỗ, bán dưới giá thành đã làm suy yếu ngành mía đường Việt Nam, nhiều nhà máy đã phải đóng cửa do kinh doanh thua lỗ hoặc do thiếu nguyên liệu mía cho sản xuất vì giá mía thấp, dân không trồng mía.

- Theo báo cáo của hiệp hội mía đường, kết quả sản xuất mía trong 3 năm lại đây

| TT | Nội dung      | Vụ 18/19   | Vụ 19/20  | Vụ 20/21  | So vụ 19/20 | So vụ 18/19 |
|----|---------------|------------|-----------|-----------|-------------|-------------|
| 1  | Diện tích mía | 192.386    | 150.689   | 128.670   | - 14,6%     | -33%        |
| 2  | Sản lượng mía | 12.201.667 | 7.662.235 | 6.739.417 | -12%        | -45%        |

Như vậy diện tích, sản lượng mía qua các năm đều giảm, .

#### \* Công ty

- Vụ ép 2020-2021 là vụ ép thành công của công ty Cổ phần mía đường Cao Bằng, thực hiện sản xuất kinh doanh thuận lợi vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc, 05 phòng chức năng, 1 tổ bảo vệ 1 tổ sửa chữa cơ khí ; 3 phân xưởng trực tiếp sản xuất .

- Về nhân lực : 31 lao động gián tiếp  
280 lao động trực tiếp.

## II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vụ ép 2020-2021

## 1. Kết quả sản xuất mía nguyên liệu.

### a/ Đặc điểm vùng nguyên liệu:

- Vùng nguyên liệu của công ty chủ yếu thuộc huyện Quảng Hòa, ngoài ra còn có một phần nhỏ thuộc huyện Thạch An và Trùng Khánh.
- Trong bối cảnh sản xuất kinh doanh gặp khó khăn nhiều năm liền, giá mía giảm theo giá đường vùng nguyên liệu của Công ty đã bị thu hẹp nhiều, nhiều diện tích đất nông dân đã chuyển đổi cây trồng, sản lượng mía theo đó cũng giảm qua các năm:

| TT | Nội dung            | Vụ 18/19 | Vụ 19/20 | Vụ 20/21 |
|----|---------------------|----------|----------|----------|
| 1  | Diện tích mía (ha)  | 3.018,12 | 2.710,17 | 2.047,48 |
| 2  | Sản lượng mía (tấn) | 193.108  | 144.352  | 138.937  |
| 3  | Năng suất (tấn/ha)  | 64       | 53       | 67,86    |

- Diện tích giảm 24,45% so với vụ 19/20 và giảm 32% so vụ 18/19.
- Sản lượng giảm 3,75% so vụ 19/20 và giảm 28% so vụ 18/19.

### b/ Một số kết quả đạt được

- Mặc dù trong điều kiện khó khăn nhưng năm qua công tác nguyên liệu đã đạt được nhiều kết quả tích cực như bảng sau:

**Kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu như sau :**

| STT | Chỉ tiêu                      | ĐVT        | TH 19/20     | Vụ ép 20/21 |              | Tỉ lệ % TH  |             |
|-----|-------------------------------|------------|--------------|-------------|--------------|-------------|-------------|
|     |                               |            |              | Kế hoạch    | Thực hiện    | TH vụ 19/20 | KH vụ 20/21 |
| 1   | 2                             | 3          | 4            | 5           | 6            | 7           | 8           |
| 1   | Tổng diện tích                | ha         | 2.047        | 2.450       | 2.182        | 106,5       | 89%         |
| 2   | Diện tích trồng mới           | ha         | 697          | 1.000       | 963          | 138         | 96%         |
| 3   | Tổng sản lượng mía            | Tấn        | 144.801      | 124.867     | 141.580      | 97,7        | 113,3       |
|     | <i>Trong đó mía xuất khẩu</i> | <i>Tấn</i> | <i>5.601</i> |             | <i>0</i>     |             |             |
|     | <i>Mía ngoài vùng NL</i>      | <i>Tấn</i> |              |             | <i>2.643</i> |             |             |
| 4   | Năng suất                     | Tấn/ha     | 53           | 61          | 68           | 128         | 111%        |
| 5   | Trữ đường bình quân           | ccs        | 11,32        | 11          | 12,33        | 108,9       | 112%        |

### c/ Đánh giá kết quả đạt được:



- Năng suất tăng, chất lượng mía tăng so với vụ trước, CCS đạt 12,33% ( vụ 18/19 là 10,55%; vụ 19/20 là 11,32%).
- Sản lượng mía : 141.580 tấn ( trong đó : 2.643 tấn mía ngoài vùng NL) tăng 13% so với kế hoạch (KH 124.867 tấn)
- Tổng diện tích mía vụ đông xuân 2020-2021 được 2.182 ha đạt 89 % kế hoạch. Trong đó diện tích trồng mới 963 ha đạt 96% so với kế hoạch ( KH 1.000 ha)
- Cơ cấu giống mía: ROC 22 vẫn là giống mía chủ đạo của vùng nguyên liệu, chiếm 73% diện tích, số còn lại 17% diện tích là các giống mía khác

### **1.2. Kết quả thu mua, đốn chặt, vận chuyển**

- Vụ ép 2020-2021 Công ty thu mua hết số mía đã ký hợp đồng với các hộ nông dân vùng nguyên liệu.
- Sau khi vào vụ ép nhận thấy giá đường trong nước được cải thiện, Công ty cũng đã điều chỉnh tăng giá mía 02 lần: lần 1 tăng 50.000đồng/tấn từ ngày 02/01/2021. Lần 2 tăng 20.000đồng/tấn từ ngày 22/01/2021
- Giá mua mía bình quân cả vụ tại nhà máy : 923 đồng/kg, tại ruộng là: 867 đồng/kg.
- Tiền mía được thanh toán kịp thời, chính xác.
- Công tác đốn chặt, vận chuyển hợp lý, chủ động đáp ứng theo kế hoạch sản xuất của dây chuyền, tỷ lệ mía cũ, đầu đen, đầu đỏ ít.

### **1.3. Kết quả đầu tư thu hồi công nợ**

- Niên vụ 2020-2021 Công ty vẫn duy trì chính sách đầu tư, khuyến khích đối với các hộ nông dân trồng mía như: cho vay phân bón, mía giống không tính lãi, hỗ trợ 100% đối với giống mía mới QĐ 42; hỗ trợ hơn 50% đối với giống mía Hạ lang, ngân sách nhà nước cấp 100% vốn đối với giống KK3. Tổng số tiền đầu tư cho vụ 2021-2022: 8.591.761.710 đồng, tăng 126% so với vụ trước.

### **1.4. Tình hình thu nợ vụ 2020-2021:**

Tổng tiền đầu tư vụ 2020-2021 : 3.809.547.008 đồng  
 Tổng số đã thu được đến 30/6/2021 : 3.805.497.008 đồng ( 99,89% so với TĐT) Số dư nợ tại ngày 30/6/2021 là : 4.050.000 đồng đây là nợ cũ từ 18-19 chuyển sang, số nợ cũ này tiếp tục thu trong vụ tới 2021-2022.

### **1.5. Công tác khác vùng nguyên liệu :**



Câu lạc bộ 80 tấn/ha, sau nhiều năm thành lập và hoạt động với mục đích nhân rộng mô hình trồng chăm sóc mía theo kỹ thuật canh tác, thúc đẩy tăng năng suất trong vùng nguyên liệu. Qua thống kê xem xét thấy mô hình đã hoàn thành sứ mạng của nó và không phù hợp bối cảnh hiện nay. Do vậy Công ty đã quyết định dừng tài trợ hoạt động câu lạc bộ mía 80 tấn/ha.

## 2. Kết quả sản xuất chế biến đường

- Vụ sản xuất 2020 -2021 bắt đầu từ ngày 01/12/2020 và kết thúc ngày 17/3/2021. Trong quá trình sản xuất hầu hết các công đoạn trên dây chuyền đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt và vượt kế hoạch đề ra ở phần lớn các chỉ tiêu, cụ thể theo bảng số liệu sau:

### 2.1 Bảng chỉ tiêu kết quả sản xuất

| T<br>T     | Các chỉ tiêu chính        | Đơn vị | TH<br>vụ 19/20 | Vụ 2020 - 2021 |           |              | % so<br>với vụ<br>2019-<br>2020 |
|------------|---------------------------|--------|----------------|----------------|-----------|--------------|---------------------------------|
|            |                           |        |                | KH             | TH        | %<br>(TH/KH) |                                 |
| 1          | 2                         | 3      | 4              | 5              | 6         | 7 = 6/5      | 8=6/4                           |
| <b>I</b>   | <b>Chỉ tiêu</b>           |        |                |                |           |              |                                 |
| 1          | Sản lượng mía ép          | Tấn    | 141.009        | 120.000        | 141.501   | 117,91       | 100,35                          |
| 2          | Sản lượng mía sạch        | Tấn    | 138.751        | 120.000        | 139.294   | 116,05       | 100,33                          |
| 3          | Hàm lượng đường trong mía | %      | 12,704         | 12,973         | 13,804    | 106,4        | 108,7                           |
| 4          | Năng suất ép thực tế      | t/ngày | 1.646          | 1.630          | 1.577     | 96,7         | 95,81                           |
| 5          | Pol bã                    | %      | 1,97           | < 2,13         | 2,22      | 100,9        | 112,6                           |
| 6          | Ap mật rỉ                 | %      | 32,12          | < 31,5         | 36,07     | 114,5        | 112,0                           |
| 7          | Pol bùn khô               | %      | 10,0           | < 12,75        | 12,11     | 94,9         | 121,09                          |
| 8          | Hiệu suất ép              | %      | 96,54          | > 96,65        | 96,59     | 99,93        | 100,5                           |
| 9          | Hiệu suất chế luyện       | %      | 86,71          | > 86,61        | 88,78     | 102,5        | 102,38                          |
| 10         | Tổng hiệu suất thu hồi    | %      | 83,71          | > 83,71        | 85,75     | 102,4        | 102,44                          |
| 11         | Tỷ lệ mía/đường           |        | 9.19           | 9.25           | 8.22      | 88.8         | 89.4                            |
| 11         | Sản lượng đường           | tấn    | 15.101         | 12.973         | 16.950,40 | 130,6        | 112,2                           |
|            | Trong đó: Đg trắng loại I | tấn    | 12.124         | 6.350          | 5.605,65  |              |                                 |
|            | Đg vàng loại I            | tấn    | 2.976          | 6.623          | 11.344,75 |              |                                 |
| 12         | Tỷ lệ đường loại II       | %      |                |                |           |              |                                 |
| 13         | ATTB Cán ép               | %      | 96,61          | 98,0           | 98,27     | 100,2        | 101,7                           |
| 14         | ATTB Chế luyện            | %      | 99,96          | 99,00          | 99,49     | 100,5        | 99,5                            |
| 15         | ATTB Động lực             | %      | 99,87          | 98,5           | 99,99     | 101,5        | 100,12                          |
| <b>II</b>  | <b>Tổn thất</b>           |        |                |                |           |              |                                 |
| 1          | Tổn thất theo bã          | %      | 3,456          | 3,35           | 3,41      | 101,79       | 98,68                           |
| 2          | Tổn thất theo bùn         | %      | 1,181          | 1,48           | 1,316     | 88,91        | 111,42                          |
| 3          | Tổn thất theo mật rỉ      | %      | 8,195          | 8,32           | 8,815     | 105,94       | 107,63                          |
| 4          | Tổn thất không xác định   | %      | 3,454          | 3,14           | 0,71      | 22,6         | 20,55                           |
| 5          | Tổng tổn thất             | %      | 16,286         | 16,3           | 14,25     | 87,42        | 87,5                            |
| <b>III</b> | <b>Tiêu hao</b>           |        |                |                |           |              |                                 |



|   |                                |                     |        |       |        |        |        |
|---|--------------------------------|---------------------|--------|-------|--------|--------|--------|
| 1 | Mía nguyên liệu                | T/tsp               | 9,19   | 9,25  | 8,22   | 88,86  | 89,42  |
| 2 | Điện mua                       | kw/tsp              | 8,54   | < 8   | 10,7   | 133,75 | 152,8  |
| 3 | Củi                            | M <sup>3</sup> /tsp | 0,007  | 0,015 | 0,01   | 65,3   | 147,89 |
| 4 | Lưu huỳnh                      | Kg/tsp              | 6,11   | 7     | 5,39   | 76,96  | 88,22  |
| 5 | H <sub>3</sub> PO <sub>4</sub> | Kg/tsp              | 0,9572 | 1,5   | 0,78   | 52,0   | 81,55  |
| 6 | Vôi                            | Kg/tsp              | 14,696 | 15,5  | 10,767 | 69,46  | 73,26  |
| 7 | Lượng mật rỉ/ mía              | %                   | 3,64   | < 4   | 3,84   | 96     | 105,4  |

## 2.2. Đánh giá kết quả đạt được

- Nguồn nguyên liệu đầu vào có chất lượng, cỡ đường cao. Dây chuyền sản xuất ổn định, các công đoạn kiểm soát tốt các chỉ tiêu, ban ĐHSX và trưởng các bộ phận sản xuất đã linh động điều chỉnh công suất và các chỉ tiêu kỹ thuật dây chuyền để đạt được tỷ lệ thu hồi cao, hạn chế tối đa tổn thất. Rất nhiều chỉ tiêu đạt vượt kế hoạch như: sản lượng mía đã trừ tạp chất vượt kế hoạch tăng 16%; Tổng hiệu suất thu hồi 85,75%; Tỷ lệ mía/đường 8,22/ KH 9,25; tổng tổn thất giảm 14,25/ KH 16,3% và còn nhiều chỉ tiêu khác đạt được hết sức tích cực đem đến hiệu quả sản xuất đạt được ngoài mong đợi đó là tổng đường nhập kho vượt 12% so vụ trước và tăng 30% so kế hoạch.

Tuy nhiên bên cạnh đó còn nhiều chỉ tiêu chưa đạt theo kế hoạch cần có giải pháp hạn chế, khắc phục trong vụ tới điển hình như: Hiệu suất ép, AP mật rỉ cao; tiêu hao điện mua cao...

## 3. Kết quả hoạt động kinh doanh vụ 2020-2021

Hoạt động kinh doanh vụ 2020-2021 diễn ra tương đối thuận lợi với sự vào cuộc của Bộ công thương cho ra đời Quyết định 477/QĐ-BCT ngày 09/2/2021 về việc áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp tạm thời với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan. Giá đường trong nước bắt đầu có sự chuyển biến tích cực, nhờ đó kết quả kinh doanh vụ 2020-2021 của Công ty Cổ phần mía đường Cao Bằng đạt được những thành quả nhất định cụ thể :

### 3.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh vụ 2020-2021 :

| TT | Chỉ tiêu                          | ĐVT | TH vụ 19/20     | KH vụ 20/21   | TH vụ 20/21     | Tỷ lệ %      |              |
|----|-----------------------------------|-----|-----------------|---------------|-----------------|--------------|--------------|
| 1  | 2                                 | 3   | 4               | 5             | 6               | 7            |              |
| I  | <b>PHẦN NHẬP KHO</b>              |     |                 |               |                 | TH/Kh        | TH/TH        |
| 1  | <b>SL đường sản xuất nhập kho</b> | tấn | <b>15.101,4</b> | <b>12.973</b> | <b>16.950,4</b> | <b>130,6</b> | <b>112,2</b> |
|    | - SL đường trắng                  | Tấn | 12.124,5        | 6.350         | 5.605,65        |              |              |



|            |                                   |              |                    |                    |                    |              |              |
|------------|-----------------------------------|--------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------|--------------|
|            | - SL đường vàng                   | tấn          | 2.976,9            | 6.623              | 11.344,75          |              |              |
| <b>2</b>   | <b>SL đường gia công đóng túi</b> | <b>tấn</b>   | <b>1.574,4</b>     | <b>1.500</b>       | <b>1.704,5</b>     | <b>113,6</b> | <b>108,2</b> |
|            | - SL đường trắng                  | tấn          | 1.033,1            | 1.000              | 1.094,7            |              |              |
|            | - SL đường vàng                   | tấn          | 541,3              | 500                | 609,8              |              |              |
| <b>3</b>   | <b>Sản lượng mật rỉ nhập kho</b>  | <b>tấn</b>   | <b>5.576</b>       | <b>4.800</b>       | <b>5.439</b>       | <b>113,3</b> | <b>97,5</b>  |
| <b>II</b>  | <b>PHẦN TIÊU THỤ</b>              |              |                    |                    |                    |              |              |
| <b>1</b>   | <b>Sản lượng đường tiêu thụ</b>   | <b>tấn</b>   | <b>21.938,8</b>    | <b>13.500</b>      | <b>17.225</b>      | <b>127,5</b> | <b>78,5</b>  |
|            | Đường trắng bao                   | tấn          | 13.395,5           | 6.000              | 6.452              |              |              |
|            | Đường trắng túi                   | tấn          | 1.017,5            | 1.000              | 1.099,9            |              |              |
|            | Đường vàng bao                    | tấn          | 6.999,3            | 6.000              | 9.059,8            |              |              |
|            | Đường vàng túi                    | tấn          | 526,5              | 500                | 613                |              |              |
| <b>2</b>   | <b>Sản lượng mật rỉ tiêu thụ</b>  | <b>tấn</b>   | <b>5.576,3</b>     | <b>4.800</b>       | <b>4.714</b>       | <b>98,2</b>  | <b>84,5</b>  |
| <b>3</b>   | <b>SL P.vi sinh</b>               | <b>tấn</b>   | <b>5</b>           |                    | <b>5,5</b>         |              |              |
| <b>4</b>   | <b>SL P.vi sinh+bã bùn+tro lò</b> | <b>tấn</b>   | <b>6.984</b>       | <b>3.000</b>       | <b>6.375</b>       | <b>212,5</b> | <b>91,2</b>  |
| <b>III</b> | <b>GIÁ BÁN CHƯA VAT</b>           |              |                    |                    |                    |              |              |
|            | Giá đường bình quân               | đ/kg         | 10.840             | 11.111             | 13.517             | 121          | 124          |
|            | Giá mật rỉ                        | đ/kg         | 1.951              | 1.900              | 2.032              | 107          | 104          |
|            | Giá bán P.vi sinh                 | đ/kg         | 1.940              |                    | 2.106              |              |              |
|            | Giá bán bã bùn+tro lò             | đ/kg         | 133                | 150                | 209                | 139          | 157          |
| <b>IV</b>  | <b>DOANH THU CHÍNH</b>            | <b>1000đ</b> | <b>260.619.536</b> | <b>163.270.000</b> | <b>243.753.080</b> | <b>149</b>   | <b>93,5</b>  |
|            | Doanh thu đường                   | 1000đ        | 237.531.525        | 153.700.000        | 232,829,406        | 151,4        | 98           |
|            | Doanh thu Mật rỉ                  | 1000đ        | 10.881.197         | 9.120.000          | 9,578,581          | 105          | 88           |
|            | Phân Vi sinh                      | 1000đ        | 9.700              |                    | 11,585             |              |              |
|            | Phân hữu cơ + Tro lò              | 1000đ        | 931.256            | 450.000            | 1,333,508          | 296          | 143          |
| <b>V</b>   | <b>DOANH THU KHÁC</b>             |              |                    | <b>0</b>           | <b>12.971.159</b>  |              |              |
|            | Mía xuất khẩu                     | 1.000        | 6.447.271          | 0                  | 0                  |              |              |
|            | Doanh thu tài chính               | 1.000        | 128.507            | 0                  | 614.116            |              | 477,8        |
|            | Doanh thu khác                    | 1.000        | 4.690.080          | 0                  | 12.357.043         |              | 263,4        |
| <b>VI</b>  | <b>TỔNG CHI PHÍ</b>               | <b>1000đ</b> | <b>253.018.708</b> | <b>161.338.078</b> | <b>199.760.867</b> | <b>123,8</b> | <b>78,9</b>  |
|            | CP giá vốn                        | 1.000        | 236.535.512        | 150.394.627        | 180,405,459        | 119,9        | 76           |
|            | CP tài chính                      | 1.000        | 5.471.937          | 3.966.667          | 3,201,411          | 80,7         | 58,5         |
|            | CP bán hàng                       | 1.000        | 1.471.944          | 1.513.460          | 1,190,046          | 78,6         | 80,8         |
|            | CP quản lý doanh nghiệp           | 1.000        | 5.657.669          | 5.463.324          | 5,539,922          | 101,4        | 97,9         |
|            | CP khác                           | 1.000        | 3.881.647          | 0                  | 9,424,029          |              | 242,7        |



|      |                          |              |                  |                  |                   |       |       |
|------|--------------------------|--------------|------------------|------------------|-------------------|-------|-------|
| VII  | <b>LỢI NHUẬN TT</b>      | <b>1000đ</b> | <b>7.600.828</b> | <b>1.931.922</b> | <b>56.963.372</b> | 2.816 | 715   |
| VIII | Nộp NSNN                 | 1000đ        | 10.188.053       | 6.500.000        | 12.176.663        | 187   | 119   |
| IX   | Tổng số LĐ có mặt BQ năm | người        | 163              |                  | 158               |       |       |
| X    | Thu nhập BQ              | 1000đ        | 5.400            | 5.400            | 5.715             | 105,8 | 105,8 |

### 3.2 Đánh giá kết quả đạt được

- Về Doanh thu : doanh thu chính Vụ ép 2020-2021 tăng 49% so với kế hoạch tương ứng tăng số tiền là : 80.483 triệu đồng, doanh thu tăng là do giá bán tăng và số lượng bán ra của các sản phẩm đều tăng so với kế hoạch.

Cụ thể chi tiết doanh thu các sản phẩm tăng: doanh thu sản phẩm đường tăng 51,4%; doanh thu mật rỉ tăng 5%; Doanh thu bã bùn tăng 196%.

- Về chi phí :

Tổng chi phí vụ 2020-2021 tăng lên so với kế hoạch là 23% : Trong đó Chi phí giá vốn tăng 19,9% nguyên nhân là sản lượng đường xuất bán tăng lên 27,5%. Các chi phí tài chính, chi phí bán hàng đều thấp hơn so với kế hoạch, chi phí quản lý cao hơn 1,4% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận :

Vụ 2020-2021 lợi nhuận trước thuế tăng cao so với kế hoạch

- Nộp ngân sách vượt 87% so với kế hoạch (6.500 tr đ)

## 4. Kết quả các mặt công tác khác

### 4.1. Về công tác lao động tiền lương

Công tác tổ chức lao động niên vụ 2020-2021 : Công ty đã sắp xếp lao động hợp lý để ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động, giảm chi phí sản xuất kinh doanh . Định biên lao động vụ 2020-2021 là 311 người giảm 22 người so với vụ trước. Tiền lương bình quân của người lao động là 5.715.000 đồng/người/ tháng. Vụ ép 2020-2021 ngoài tiền lương theo sản phẩm công ty còn chi thêm từ quỹ lương bổ sung 35.000đ/ 1 ngày công từ tháng 12/2020 đến tháng 3/2021 ( hết vụ ). Nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm đảm bảo quyền lợi cho CBCNV người lao động.

### 4.2. Về công tác thi đua khen thưởng.

Để khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc, khi vào vụ công ty đã phát động phong trào” thi đua phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong sản xuất” tất cả các phòng ban, phân xưởng đều đăng ký tham gia. Kết thúc vụ ép Công ty đã xem xét bình chọn kết quả như sau :

Tập thể lao động xuất sắc : 02 tập thể

Tập thể lao động tiên tiến : 03 tập thể

Cá nhân lao động xuất sắc : 24 lao động

Cá nhân lao động tiên tiến : 69 lao động

#### **4.3. Công tác an ninh trật tự, an toàn lao động.**

- Đảm bảo an toàn an ninh trật tự trong công ty.
- Giám sát, kiểm tra hướng dẫn CBCNV người lao động và khách hàng thực hiện nội quy quy định của công ty.
- Công tác an toàn lao động trong toàn Công ty được duy trì và thực hiện tốt, vụ ép 2020-2021 không xảy ra tai nạn lao động.

#### **4.4. Công tác duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO:9001-2015.**

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 được duy trì thường xuyên. Công tác kiểm soát đảm bảo phòng chống dịch covid-19 thực hiện tốt.

### **III/ Hạn chế tồn tại và nguyên nhân.**

#### **1. Đối với vùng nguyên liệu mía**

##### **1.1. Hạn chế, tồn tại.**

- Diện tích trồng mới không đạt theo kế hoạch (đạt 96% kế hoạch).
- Một số cán bộ địa bàn chưa thật sự sâu sát, chưa phát huy cao tinh thần trách nhiệm, chưa chủ động nắm tình hình nên quá trình điều tra, thống kê số liệu ở một số vùng chưa chính xác.
- Một số tuyến đường giao thông nội vùng mía xuống cấp nên khó khăn cho việc vận chuyển mía.
- Công tác tuyên truyền vận động của cán bộ địa bàn chưa được tốt
- Việc áp dụng cơ giới hóa vào trồng, chăm sóc mía còn nhiều hạn chế.

##### **1.2. Nguyên nhân**

- Do điều kiện về địa lý đa số vùng trồng mía diện tích đều nhỏ lẻ manh mún nên việc ứng dụng cơ giới hóa rất khó khăn.



- Do giá cả thị trường đường không ổn định, giá mía giảm, nên người dân vẫn còn dè chừng lựa chọn.
- Trình độ chuyên môn của CBDB không đồng đều cũng ảnh hưởng đến công tác tuyên truyền vận động các nông hộ trồng mía.
- Chưa có giống mía mới đạt tiêu chuẩn phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của vùng nguyên liệu mía công ty
- Chưa có cơ chế phù hợp để khuyến khích các nông hộ chú trọng chăm sóc mía theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Do thời tiết khô hạn vụ trồng đông xuân 2020-2021 ảnh hưởng đến chỉ tiêu trồng mới.

## **2. Đối với dây chuyền thiết bị chế biến đường**

### **2.1. Hạn chế tồn tại**

#### **a/ Phân xưởng cán ép:**

Thiết bị Bục lừa hay bị hỏng do xích đã sử dụng lâu; bộ nén trục đỉnh thường xuyên bị rò dầu không đảm bảo áp lực nén; Lực đỉnh máy 1 bị mòn nhanh phải thay nhiều lược dự phòng do lô hàn nhám không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; hiện tượng gãy gãy bu lông hãm lược đáy vẫn xảy ra ở máy 4 phải dùng thay lược đáy giữa vụ ép.

#### **b/ Phân xưởng chế luyện:**

+ Hệ thống thiết bị còn xảy ra nhiều sự cố ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất như: Máy do pH tự động chưa ổn định, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu ở công đoạn làm sạch; mốp ống chân không nồi nấu A; Công tác bảo ôn thiết bị, đường ống chưa tốt gây tổn thất năng lượng.

+ AP mật rỉ; Pol bùn cao không đạt chỉ tiêu kỹ thuật gây tổn thất đường đặc biệt trong sản xuất đường vàng,

+ Kích cỡ hạt đường thành phẩm chưa đồng đều, tỉ lệ đường bụi hạt ngoài tiêu chuẩn còn cao.

+ Độ màu đường thành phẩm chưa ổn định giữa các nồi nấu và chưa theo kịp thị hiếu thị trường.

#### **c/ Phân xưởng Động lực :**

Quản lý và sử dụng nước còn thất thoát nhiều; Lương điện lưới tiêu hao Kw/tsp còn cao hơn so với chỉ tiêu, do có thời điểm thiếu bã dự phòng phải hòa lưới điện để xả bã cho nấu vớt.

## 2.2. Nguyên Nhân:

+ Hệ thống thiết bị sử dụng lâu năm, công tác kiểm tu, SCBD chưa kỹ, còn chủ quan. Trình độ năng lực còn hạn chế đặc biệt đối với lĩnh vực điện tự động hóa.

+ Năng lực thiết bị chưa đồng bộ đặc biệt công đoạn nấu chưa đáp ứng đồng bộ cùng công suất dây chuyền, công nhân nhiều cương vị chưa làm chủ được cương vị.

- Năng lực chuyên môn của một số lao động chưa đáp ứng được yêu cầu.

Công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường tại một số tổ, bộ phận chưa được tốt.

## 3. Đối với công tác khác.

### 3.1 Hạn chế tồn tại.

- Năng lực chuyên môn của một số lao động chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Một số thiết bị kiểm nghiệm còn thiếu hoặc đã sử dụng lâu năm độ chính xác kém.

- Hệ thống thiết bị một số khâu chưa được đầu tư đồng bộ.

### 3.2. Nguyên nhân.

- Công ty chưa có điều kiện mở lớp chuyên ngành cho người lao động.

- Điều kiện kinh tế chưa đảm bảo để đầu tư thiết bị thay thế.

## IV. Một số giải pháp, kiến nghị.

- Mở lớp đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ chế biến cho người lao động, đặc biệt là lao động trẻ chưa qua đào tạo. Tổ chức thi nâng bậc theo định kỳ để tạo động lực, ý thức cho người lao động tự học tập, nghiên cứu nâng cao chuyên môn.

- HĐQT xem xét từng bước đầu tư nâng cấp thiết bị để đồng bộ được về công suất giữa các công đoạn của dây chuyền.

## Phần II

### MỤC TIÊU KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP NIÊN VỤ 2021- 2022

#### I. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NIÊN VỤ 2021-2022

| STT | Một số chỉ tiêu chủ yếu | ĐVT | TH vụ<br>2020 - 2021 | KH vụ<br>2021- 2022 | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----|----------------------|---------------------|---------|
| 1   | 2                       | 3   | 4                    | 5                   | 6       |
| 1   | Diện tích mía           | ha  | 2.182                | 2.500               |         |



|      |                                    |              |                    |                    |
|------|------------------------------------|--------------|--------------------|--------------------|
| 2    | Diện tích trồng mới                | ha           | 963                | 1.100              |
| 3    | Sản lượng mía đưa vào sản xuất     | tấn          | 139.294            | 134.648            |
| 4    | Năng suất BQ                       | tấn /ha      | 68                 | 64                 |
| 5    | Chữ đường mía BQ                   | ccs          | 12.33              | 11,2               |
| 6    | Công suất ép BQ/ngày SX            | tấn/ngày     | 1.577              | 1.600              |
| 7    | Công suất ép thực tế BQ            | tấn/ngày     | 1.497              | 1.445              |
| 8    | Số ngày ép thực tế                 | ngày         | 89,72              | 84,16              |
| 9    | Hiệu suất tổng thu hồi             | %            | 85,75              | 84,5               |
| 10   | Tổng tổn thất                      | %            | 14,25              | 15,5               |
| 11   | AP mật rỉ                          | %            | 36,07              | 32                 |
| 12   | Tỷ lệ mía /đường                   |              | 8.22               | 9                  |
| 13   | SL đường nhập kho                  | tấn          | 16.950,4           | 14.960,8           |
|      | <i>Đường Trắng</i>                 | <i>tấn</i>   | 5.605,65           | 7 480,4            |
|      | <i>Đường Vàng</i>                  | <i>tấn</i>   | 11.344,75          | 7.480,4            |
| 14   | SL đường tiêu thụ                  | tấn          | 17.225             | 15.150             |
| 15   | SL mật rỉ tiêu thụ                 | tấn          | 4.714              | 5.610              |
| 16   | SL Phân hữu cơ+tro lò              | tấn          | 6.375              | 3366               |
| 17   | Tổng doanh thu                     | 1000đ        | <b>243.753.080</b> | <b>217.756.870</b> |
|      | <b>Trong đó :</b>                  |              |                    |                    |
| 17.1 | <i>Doanh thu đường</i>             | <i>1000đ</i> | 232,829,406        | 205.300.000        |
| 17.2 | <i>Doanh thu mật rỉ</i>            | <i>1000đ</i> | 9,578,581          | 11.483.670         |
| 17.3 | <i>DT phân hữu cơ+ tro lò + VS</i> | <i>1000đ</i> | 1,345.093          | 973.200            |
| 18   | Lợi nhuận trước thuế               | 1000đ        | 56.963.372         | 26.683.625         |
| 19   | Nộp NSNN                           | 1000đ        | 12.176.663         | 8.500.000          |

## II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NIÊN VỤ 2021 – 2022

### 1. Đối với vùng nguyên liệu:

- Đầu tư quy hoạch vùng nguyên liệu mía trọng điểm
- Triển khai phương thức quản lý hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực Công ty
- Cán bộ nguyên liệu cần tự nâng cao kiến thức năng lực công tác
- Cần tăng cường tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các nông hộ trồng mía theo quy trình kỹ thuật, áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất mía, thâm canh tăng năng suất, đầu tư phân bón đúng thời gian đủ số lượng, chăm sóc, làm cỏ và phòng trừ sâu bệnh hại mía kịp thời.
- Nghiên cứu, phát triển giống mía mới, đảm bảo chất lượng tăng năng suất, giảm giá thành sản xuất mía.

- Xây dựng kế hoạch đôn chặt, vận chuyển đúng thời vụ để đảm bảo hiệu quả thu hồi và giảm chi phí.

## 2. Đối với dây chuyền sản xuất

- Lập kế hoạch đầu tư, thay thế, cải tạo, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị kịp thời đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất

- Cung cấp vật tư thiết bị đạt yêu cầu, kịp thời theo từng giai đoạn SCBD,

- Thay thế, đầu tư mới các thiết bị hợp lý về giá cả, phù hợp về chất lượng .

- Xây dựng định mức sử dụng vật tư phù hợp với việc sửa chữa bảo dưỡng cải tạo thiết bị.

- Thực hiện kế hoạch SCBD, cải tạo thay thế, nghiệm thu chạy thử thiết bị giảm thiểu sự cố trong sản xuất

- Thay thế một số thiết bị bằng tự động hóa

- Ổn định công suất của nhà máy chế biến, thu mua chế biến đúng thời vụ để đảm bảo hiệu quả thu hồi, chất lượng sản phẩm tốt.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ.

- Chú trọng tuyển dụng, đào tạo nhân lực kế thừa và duy trì nguồn nhân lực chuyên môn cao.

## 3. Giải pháp về tiêu thụ đường:

- Phát triển kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần

- Tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực của hệ thống phân phối

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, thái độ phục vụ

## 4. Các giải pháp đối với công tác khác.

- Tăng cường tuần tra canh gác bảo vệ tài sản Công ty. Phối hợp với Cơ quan chức năng duy trì tốt công tác an ninh trật tự và tệ nạn xã hội trong Công ty.

- Duy trì hoạt động Công ty theo hệ thống QLCL ISO 9001-2015.

- Tăng cường công tác chống dịch covid -19.

### Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Ban TGD
- Các đơn vị
- Các cổ đông
- Lưu VT, trang WEB

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ma Trung Lập



Số: 346 /TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**Về việc: Thông qua các báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS**

**Kính trình:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

**Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 công ty xem xét thông qua nội dung sau:**

- Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong niên độ tài chính 2020-2021; Kế hoạch hoạt động trong niên độ tài chính 2021-2022.
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát niên độ tài chính 2020-2021; Phương hướng hoạt động trong niên độ tài chính 2021-2022.

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.**

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:  
- Cổ đông;  
- Lưu Vt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nông Văn Thuyết**

Số: 347/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

### TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh  
niên độ 2020 - 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2021 - 2022

**Kính trình:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua nội dung sau:

#### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính 2020 - 2021.

| STT | Chỉ tiêu                             | ĐVT   | Kế hoạch<br>NĐTC<br>2020-2021 | Thực hiện<br>NĐTC<br>2020-2021 | TH/KH<br>(%) |
|-----|--------------------------------------|-------|-------------------------------|--------------------------------|--------------|
| 1   | Sản lượng mía ép:<br><i>Trong đó</i> |       | 120.000                       | 139.294                        | 116,08       |
|     | - Sản lượng mía ép cho SX<br>đường   | Tấn   | 120.000                       | 139.294                        | 116,08       |
|     | - Sản lượng mía ép cho xuất<br>khẩu  | Tấn   | 0                             | 0                              |              |
| 2   | Sản lượng đường nhập kho             | Tấn   | 12.973                        | 16.950                         | 130,66       |
| 3   | Sản lượng mật rỉ nhập kho            | Tấn   | 4.800                         | 5.439                          | 113,31       |
| 4   | Sản lượng phân hữu cơ                | Tấn   | 3.000                         | 6.375                          | 212,51       |
| 5   | Tổng doanh thu sản phẩm<br>chính     | Tr. đ | 163.270                       | 243.753                        | 149,29       |
| 6   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh<br>doanh | Tr. đ | 1.932                         | 56.963                         | 2.948,39     |





|   |                    |       |       |        |          |
|---|--------------------|-------|-------|--------|----------|
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | Tr. đ | 1.932 | 56.453 | 2.921,99 |
| 8 | Tỷ lệ chia cổ tức  | %/VĐL | 0     | 10     |          |

## 2. Kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2021 – 2022:

Từ những thuận lợi và khó khăn đã nêu tại báo cáo của HĐQT, Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch kinh doanh niên độ 2021 – 2022 với một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh sau:

| ST T | Chỉ tiêu                          | ĐVT   | Thực hiện<br>NĐTC<br>2020 - 2021 | Kế hoạch<br>NĐTC<br>2021 - 2022 | KH/TH<br>(%) |
|------|-----------------------------------|-------|----------------------------------|---------------------------------|--------------|
| 1    | Sản lượng mía ép                  | Tấn   | 139.294                          | 134.648                         | 96,99        |
| 2    | Sản lượng đường nhập kho          | Tấn   | 16.950                           | 14.961                          | 88,26        |
| 3    | Sản lượng mật ri tiêu thụ         | Tấn   | 4.715                            | 5.610                           | 118,98       |
| 4    | Sản lượng phân hữu cơ tiêu thụ    | Tấn   | 6.375                            | 3.366                           | 52,80        |
| 5    | Tổng doanh thu sản phẩm chính     | Tr. đ | 243.753                          | 217.757                         | 89,33        |
| 6    | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tr. đ | 56.963                           | 26.683                          | 46,84        |
| 7    | Lợi nhuận sau thuế                | Tr. đ | 56.453                           | 21.346                          | 37,81        |
| 8    | Tỷ lệ chia cổ tức                 | %/VĐL | 10                               | 20                              | 200,00       |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- Lưu Vt.



**Nông Văn Thuyết**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm tài chính 2020 - 2021**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện kiểm toán theo công bố của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ tài chính 2020-2021 của Công ty. Ngày 08/06/2021 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng đã ban hành Nghị quyết số 200/NQ-HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2020 - 2021. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm tài chính 2020 - 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (Báo cáo kiểm toán độc lập số 045B/2021/BCKT-PB.00024 ngày 20/09/2021)

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chấp thuận thông qua./.**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- Lưu Vt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nông Văn Thuyết**



**Tóm tắt**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Năm tài chính: Từ ngày 01/07/2020 đến hết ngày 30/06/2021

(kèm theo tờ trình số 348/TTr-HĐQT-MĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao bằng nhiệm kỳ 2020 - 2025 báo cáo tóm tắt tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính: Từ ngày 01/07/2020 đến hết ngày 30/06/2021 đã được kiểm toán để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

**I/ VỐN ĐIỀU LỆ:**

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2021 : 35.279.250.000 VND

Gồm:

| Số TT       | Cổ đông            | Vốn góp          |                |                        | Chiếm tỷ lệ % |
|-------------|--------------------|------------------|----------------|------------------------|---------------|
|             |                    | Số cổ phần       | M.giá 1 CP (đ) | Giá trị vốn góp (đồng) |               |
| 1           | Cổ đông là cá nhân | 3.331.925        | 10.000         | 33.319.250.000         | 94,45         |
| 2           | Cổ đông là tổ chức | 196.000          | 10.000         | 1.960.000.000          | 5,55          |
| <b>Cộng</b> |                    | <b>3.527.925</b> |                | <b>35.279.250.000</b>  | <b>100</b>    |

**II/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN KIỂM SOÁT; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1- Hội đồng quản trị:**

| Họ và tên              | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm                                  |
|------------------------|-------------------|---|
| 1. Ông Nông Văn Thuyết | Chủ tịch HĐQT     | Bổ nhiệm ngày 01/04/2021                                  |
| 2. Ông Nông Văn Lạc    | Chủ tịch HĐQT     | Miễn nhiệm ngày 01/04/2021; từ ngày 01/04/2021 là TV HĐQT |
| 3. Ông Ma Trung Lập    | Phó chủ tịch HĐQT |   |
| 4. Ông Lê Anh Tuấn     | Thành viên HĐQT   | Bãi nhiệm ngày 30/10/2020                                 |
| 5. Ông Nông Văn Sơn    | Thành viên HĐQT   | Bổ nhiệm ngày 30/10/2020                                  |
| 6. Bà Mã Thị Quyết     | Thành viên HĐQT   |   |

**2- Ban kiểm soát:**

- Bà Hoàng Thị Quyết - Trưởng ban kiểm soát
- Ông Trương Minh Đức - TV Ban kiểm soát
- Ông Đinh Bế Đính - TV Ban kiểm soát

**3- Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:**

| Họ và tên              | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm                        |
|------------------------|-------------------|---|
| 1. Ông Nông Văn Lạc    | Tổng giám đốc     | Miễn nhiệm từ ngày 01/08/2020                   |
| 2. Ông Ma Trung Lập    | Tổng giám đốc     | Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020                     |
| 3. Ông Nông Thị Nậu    | Phó tổng giám đốc | Tái bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020                 |
| 4. Ông Nông Văn Thuyết | Phó tổng giám đốc | Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020 đến ngày 31/03/2021 |
| 5. Bà Mã Thị Quyết     | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2006                     |



**III/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN. Từ 01/07/2020 đến hết ngày 30/06/2021.**

**1- Kết quả sản xuất kinh doanh:**

*Đơn vị tính: Đồng*

| Chỉ tiêu  | Niên độ 2020-2021<br>(Từ 01/7/2020<br>→ 30/6/2021) | Niên độ 2019-2020<br>(Từ 01/7/2019<br>→ 30/6/2020) |
|---|--|--|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>243,753,082,000</b>                             | <b>256,143,434,371</b>                             |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                           | -  | 342,483,333  |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>243,753,082,000</b>                             | <b>255,800,951,038</b>                             |
| 4. Giá vốn hàng bán                                       | 180,405,459,893                                    | 236,535,512,973                                    |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>63,347,622,107</b>                              | <b>19,265,438,065</b>                              |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 614,116,556  | 128,507,974  |
| 7. Chi phí tài chính                                      | 3,201,411,818                                      | 5,471,936,524                                      |
| 8. Chi phí bán hàng                                       | 1,190,046,363                                      | 1,471,944,477                                      |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 5,539,922,049                                      | 5,657,669,380                                      |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>        | <b>54,030,358,433</b>                              | <b>6,792,395,658</b>                               |
| 11. Thu nhập khác   | 12,357,043,317                                     | 4,690,080,745                                      |
| 12. Chi phí khác  | 9,424,029,050                                      | 3,881,647,789                                      |
| <b>13. Lợi nhuận khác</b>                                 | <b>2,933,014,267</b>                               | <b>808,432,956</b>                                 |
| <b>14. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN</b>                 | <b>56,963,372,700</b>                              | <b>7,600,828,614</b>                               |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                           | 510,382,585  | -  |
| <b>16. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                        | <b>56,452,990,115</b>                              | <b>7,600,828,614</b>                               |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                              | 16,002   | 2,154  |

**2- Tài sản, nguồn vốn (Bảng cân đối kế toán):**

*Đơn vị tính: Đồng*

| Chỉ tiêu                                     | Tại ngày<br>30/06/2021 | Tại ngày<br>30/06/2020 |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                               |                        |                        |
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>106,747,086,394</b> | <b>60,084,644,862</b>  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>63,298,896,318</b>  | <b>16,881,696,811</b>  |
| 1. Tiền                                      | 63,298,896,318         | 8,881,696,811          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | -                      | 8,000,000,000          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>19,054,624,775</b>  | <b>13,606,352,466</b>  |



|   |                        |                        |
|---|------------------------|------------------------|
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 9,980,690,901          | 4,945,239,126          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 7,188,480,606          | 6,413,681,162          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                   | 1,623,500,583          | 1,985,479,493          |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       | (122,680,000)          | (122,680,000)          |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý                  | 384,632,685            | 384,632,685            |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                     | <b>24,393,565,301</b>  | <b>29,596,595,585</b>  |
| 1. Thành phẩm tồn kho                       | 20,285,356,325         | 25,059,055,244         |
| 2. Hàng hóa tồn kho                         | 414,918,172            | 396,475,129            |
| 3. Nguyên vật liệu, công cụ đồ dùng tồn kho | 3,369,737,074          | 3,906,721,560          |
| 4. Chi phí sản xuất dở dang                 | 323,553,730            | 234,343,652            |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   | <b>60,017,914,090</b>  | <b>67,747,955,606</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>        | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                  | <b>49,247,222,599</b>  | <b>55,219,390,252</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                 | 47,997,374,145         | 53,916,778,366         |
| - Nguyên giá                                | 244,215,197,197        | 241,943,709,679        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                    | (196,217,823,052)      | (188,026,931,313)      |
| 2. Tài sản cố định vô hình                  | 1,249,848,454          | 1,302,611,886          |
| - Nguyên giá                                | 1,842,128,434          | 1,842,128,434          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                    | (592,279,980)          | (539,516,548)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>          | <b>5,671,085,765</b>   | <b>5,650,173,955</b>   |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang          | 5,671,085,765          | 5,650,173,955          |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>             | <b>5,099,605,726</b>   | <b>6,878,391,399</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                | 5,099,605,726          | 6,878,391,399          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                    | <b>166,765,000,484</b> | <b>127,832,600,468</b> |
| <b>NGUỒN VỐN</b>                            |                        |                        |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                       | <b>48,556,123,167</b>  | <b>66,076,713,478</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                       | <b>48,556,123,167</b>  | <b>63,545,322,478</b>  |

|   |                        |                        |
|---|------------------------|------------------------|
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                | 157,795,046            | 309,852,812            |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 6,736,187,603          | 4,119,711,103          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 3,166,543,930          | 3,010,495,631          |
| 4. Phải trả người lao động                    | 1,437,861,741          | 1,405,068,602          |
| 5. Chi phí trả trước ngắn hạn                 | 219,000,000            | 790,205,000            |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                     | 1,685,868,778          | 2,156,006,261          |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 33,937,168,000         | 49,937,168,000         |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 1,215,698,069          | 1,816,815,069          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | -                      | <b>2,531,391,000</b>   |
| 1. Quỹ phát triển khoa học công nghệ          | -                      | 2,531,391,000          |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      | <b>118,208,877,317</b> | <b>61,755,886,990</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>118,173,877,317</b> | <b>61,720,886,990</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                     | 35,279,250,000         | 35,279,250,000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                       | -                      | 3,943,264,691          |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                      | 66,894,768,803         | 66,894,768,803         |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu              | -                      | 9,986,262,112          |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 15,999,858,514         | (54,382,658,616)       |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước | (40,453,131,813)       | (61,983,487,230)       |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay   | 56,452,990,327         | 7,600,828,614          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>     | <b>35,000,000</b>      | <b>35,000,000</b>      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    | <b>166,765,000,484</b> | <b>127,832,600,468</b> |

\* Ghi chú: Số để trong dấu ( ) là ghi số âm (-)

Trên đây là bản tóm tắt Báo cáo tài chính niên độ 2020-2021 ( kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2020 đến hết ngày 30/06/2021) của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng đã được kiểm toán (Bản báo cáo tài chính đầy đủ đã được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ truy cập: [Http://www.miaduongcaobang.vn](http://www.miaduongcaobang.vn)).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:  
- Cổ đông;  
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nông Văn Thuyết



Số: 349/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

## TỜ TRÌNH

Về việc: phân phối lợi nhuận niên độ 2020 - 2021  
và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2021 - 2022

**Kính trình:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Báo cáo tài chính niên độ 2020 - 2021 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt nam.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

### I. Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức cho niên độ 2020 - 2021 cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu                                      | Tỷ lệ (%) | Số tiền (đồng) |
|---|-----------|----------------|
| 1. Lợi nhuận trước thuế TNDN                  |           | 56,963,372,912 |
| 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp        |           | 510,382,585    |
| 3. Lợi nhuận sau thuế TNDN                    |           | 56,452,990,327 |
| 4. Bù đắp lỗ lũy kế                           |           | 40,512,670,776 |
| 5. Phân phối lợi nhuận                        |           | 15,940,319,551 |
| 5.1. Quỹ đầu tư phát triển                    |           |                |
| 5.2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                | 4%/LNPP   | 637,612,782    |
| 5.3. Quỹ phát triển vùng nguyên liệu          | 2.5%/LNPP | 398,507,988    |
| 5.4. Quỹ thưởng ban điều hành quản lý công ty | 1.5%/LNPP | 239,104,793    |
| 5.5. Lợi nhuận chia cổ tức                    |           | 14,665,093,988 |

Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

## II. Chia cổ tức niên độ 2020 - 2021

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu  | Tỷ lệ (%) | Số tiền (đồng)        |
|---|-----------|-----------------------|
| <b>1. Lợi nhuận chia cổ tức:</b>                  |           | <b>14,724,632,951</b> |
| 1.1. Lợi nhuận năm TC 2016-2017 chuyển sang       |           | 59,538,963            |
| 1.2. Lợi nhuận năm TC 2020-2021                   |           | 14,665,093,988        |
| <b>2. Chia cổ tức:</b>                            |           | <b>3,527,925,000</b>  |
| 2.1. Bằng tiền mặt                                | 10%/VĐL   | 3,527,925,000         |
| 2.2. Bằng cổ phiếu                                |           | 0                     |
| <b>3. Lợi nhuận chưa chia chuyển sang năm sau</b> |           | <b>11,196,707,951</b> |

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và quyết định:

1. Thời điểm chia cổ tức;
2. Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

## III. Kế hoạch phân phối lợi nhuận trong năm tài chính 2021-2022.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2021 - 2022 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng, HĐQT đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2021 - 2022 như sau:

| Chỉ tiêu                                      | Tỷ lệ (%) | Số tiền (đồng)        |
|---|-----------|-----------------------|
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>           |           | <b>26,683,625,000</b> |
| <b>2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b> | 20%/LNTT  | <b>5,336,725,000</b>  |
| <b>3. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>             |           | <b>21,346,900,000</b> |
| <b>4. Phân phối lợi nhuận</b>                 |           | <b>21,346,900,000</b> |
| 4.1. Quỹ đầu tư phát triển                    |           | 0                     |
| 4.2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                | 8%/LNPP   | 1,707,752,000         |

Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021



|   |           |                |
|---|-----------|----------------|
| 4.3. Quỹ phát triển vùng nguyên liệu          | 3%/LNPP   | 640,407,000    |
| 4.4. Quỹ thưởng ban điều hành quản lý công ty | 1.5%/LNPP | 320,203,500    |
| 4.5. Lợi nhuận chia cổ tức                    |           | 18,678,537,500 |

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.**

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**  
 - Cổ đông;  
 - Lưu Vt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
 CHỦ TỊCH**



**Nông Văn Thuyết**



Số: 350 /TT-HDQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2020

## **TỜ TRÌNH**

Về việc: **Thông qua thù lao HDQT, BKS niên độ 2020 – 2021  
và kế hoạch thù lao niên độ 2021 - 2022**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Quy chế phân phối tiền lương vụ ép 2020 - 2021 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Báo cáo tài chính niên độ 2020 - 2021 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng báo cáo tình hình thực hiện chi trả thù lao thực tế cho hoạt động của HDQT, BKS từ tháng 07/2020 đến hết tháng 06/2021 như sau:

### **1- Thù lao cho HDQT, BKS:**

Các thành viên của HDQT và BKS điều kiêm nhiệm các chức danh quản lý Công ty, vì vậy thù lao được hưởng bao gồm tiền lương theo chức danh quản lý và phụ cấp HDQT và BKS.

#### **1.1. Căn cứ tính:**

- Đối với tiền lương theo chức danh quản lý của HDQT; BKS: Được quy định chung theo quy chế phân phối tiền lương vụ ép 2020 - 2021 của Công ty.
- Đối với phụ cấp HDQT và BKS: Được tính theo hệ số phụ cấp đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 nhất trí thông qua. Cụ thể:
  - + Hội đồng quản trị: Chủ tịch HDQT hệ số phụ cấp là 7,81/ tháng.  
Phó chủ tịch HDQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng.  
Ủy viên thường trực HDQT hệ số PC là 1,25/ tháng.  
Ủy viên HDQT hệ số phụ cấp là 1,15/ tháng/người.
  - + Ban kiểm soát: Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng.  
Ủy viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/ tháng/ người.
- Mức tiền lương tối thiểu của Công ty áp dụng là: 1.600.000 đồng



## 1.2. Thù lao chi trả thực tế cho HĐQT, BKS:

Thù lao chi trả cho HĐQT:

Đơn vị tính: Đồng

| Số TT            | Họ và tên       | Chức danh trong HĐQT               | Chức danh quản lý | Thù lao HĐQT                 |                    |
|------------------|-----------------|------------------------------------|-------------------|------------------------------|--------------------|
|                  |                 |                                    |                   | Tiền lương theo chức danh QL | Phụ cấp HĐQT       |
| 1                | Nông Văn Lạc    | Chủ tịch HĐQT                      |                   | 12.772.000                   | 108.048.000        |
| 2                | Ma Trung Lập    | Phó CT HĐQT                        | Tổng giám đốc     | 153.809.000                  | 25.920.000         |
| 3                | Nông Văn Thuyết | Chủ tịch HĐQT từ tháng 4/2021      |                   | 131.805.000                  | 21.888.000         |
| 4                | Lê Anh Tuấn     | Miễn nhiệm TVHĐQT từ tháng 11/2020 |                   | 0                            | 7.360.000          |
| 5                | Mã Thị Quyết    | Thành viên                         | Kế toán trưởng    | 118.823.000                  | 22.080.000         |
| 6                | Nông Văn Sơn    | TV HĐQT từ tháng 11/2020           | NV P. KHKD        | 26.276.000                   | 14.720.000         |
| <b>Tổng cộng</b> |                 |                                    |                   | <b>443.485.000</b>           | <b>200.016.000</b> |

Thù lao chi trả cho BKS:

Đơn vị tính: Đồng

| Số TT            | Họ và tên       | Chức danh trong BKS | Chức danh quản lý | Thù lao BKS                  |                   |
|------------------|-----------------|---------------------|-------------------|------------------------------|-------------------|
|                  |                 |                     |                   | Tiền lương theo chức danh QL | Phụ cấp BKS       |
| 1                | Hoàng Thị Quyết | Trưởng BKS          |                   | 120.910.000                  | 0                 |
| 2                | Trương Minh Đức | Thành viên          | QĐ xưởng ĐL       | 108.214.000                  | 11.520.000        |
| 3                | Đình Bế Đình    | Thành viên          | QĐ xưởng CE       | 115.901.000                  | 11.520.000        |
| <b>Tổng cộng</b> |                 |                     |                   | <b>345.025.000</b>           | <b>23.040.000</b> |

Tổng chi phí tiền lương, phụ cấp Công ty đã chi trả cho các thành viên của HĐQT và BKS trong kỳ hoạt động từ tháng 07/2020 đến hết tháng 06/2021 là 1.011.566.000 đồng.

## 2- Chi phí khác:

Do các thành viên của HĐQT và BKS đều kiêm nhiệm các chức danh quản lý điều hành Công ty, vì vậy các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của HĐQT và BKS cũng là chi phí quản lý điều hành chung của các chức danh quản lý Công ty.

## 3 - Kế hoạch chi trả thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT, BKS trong năm 2020-2021 (từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2022).

3.1. Tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS có kiêm nhiệm chức danh quản lý Công ty, Ban tổng giám đốc Công ty được chi trả theo Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng vụ ép 2021 - 2022 của Công ty.

3.2. Tiền phụ cấp cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS được chi trả theo hệ số phụ cấp:

- Đối với thành viên HĐQT: Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 9,5/ tháng.  
Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng.  
Thường trực HĐQT hệ số phụ cấp là 1,25/ tháng.  
Thành viên khác HĐQT hệ số phụ cấp là 1,15/ người/ tháng.
- Đối với thành viên BKS: Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng.  
Thành viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/ người/ tháng.

Mức tiền lương tối thiểu làm căn cứ tính phụ cấp: Theo mức tiền lương tối thiểu Công ty áp dụng để tính lương cho vụ ép 2021 - 2022.

3.3. Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT và BKS khi thực hiện chức năng nhiệm vụ được chi trả theo thực tế.

4.4. Đại hội đồng cổ đông năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng, xây dựng quy chế trả thưởng cho các thành viên ban điều hành quản lý công ty đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và chấp thuận thông qua./.

Nơi nhận:  
- Cổ đông;  
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nông Văn Thuyết





Số: 351 /TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

## TỜ TRÌNH

*Về việc: Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính  
niên độ tài chính 2021 - 2022*

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ yêu cầu lựa chọn Công ty kiểm toán.

**Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:**

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo công bố của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2021 – 2022 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!**

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:  
- Cổ đông;  
- Lưu Vt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nông Văn Thuyết**